55 22 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Avril 1931

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUÁN

123 — Rue Maréchal-Foch — 123

NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7$00	Một năm	8$00
Nửa năm	3.50	Nửa năm	4.00
Mỗi số	0.15		

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH

no VÕ Phi Hồng Cựu Hà Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

KINH NGÔ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 8, 9 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Nghĩ về cuộc kinh-tế khó-khăn ở nước ta - *giá-trị của các nhà tư-bản.*

Một vị đại nhân-vật ở Nam-kỳ *(cụ Phan-Thanh-Giản.)*

Mấy lời trân-trọng cùng các bạn thanh-niên nam nữ trong quốc-dân.

Câu truyện mỏ than Cam-phả

Nữ-giới tùng-dâm *(sự quan-hệ của người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng)*

Văn thơ.

Xã-hội Thiền-dâm. *(Hội Lộc-tùng của người Nhắng ở vùng Baxat.)*

Xã-hội Ba-đào-kỳ. *(Nối dõi.)*

Tiểu-thuyết *(Vân-Lan kỳ sự)* *(tiếp theo.)*

Kịch (Hạt máu rơi.) *(tiếp theo.)*

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LAI-VAN-XUAN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 22 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Avril 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOẢN
Phó Chủ-sự

NGHĨ VỀ CUỘC KINH-TẾ KHÓ KHĂN Ở NƯỚC TA

Giá-trị của các nhà tư-bản

Hiện nay cuộc kinh-tế khó-khăn, nghe các nước phú cường đều vậy, không riêng gì ở một nước ta. Song sự khó khăn của những nước phú cường kia, ví như sự túng của nhà giầu, có thì có giờ; đến như sự khó-khăn của nước ta, thời là sự túng của nhà nghèo, ưu nguy mới thật là ưu nguy; khủng hoảng mới thật là khủng hoảng vậy.

Vả lại như chúng ta ngày nay, làm gì có thì giờ tính đến sự khó khăn của nước khác, thời mình hãy cần lo lấy cái sự nguy cấp của nước mình. Tôi không phải là người có học-vấn và thực-hành về sự kinh-tế, thời câu nói lấy đâu làm giá-trị và mong có phần lợi ích đến đồng bang; tuy vậy, cứ chức-trách của nhà ngôn luận, đem ngu-thành cống hiến với quốc-dân, câu nói nếu là phải thời tất có người nghe, dù chẳng ra chi, cũng không phải là một sự có lỗi vậy.

Nay tôi nói đây, là muốn tính về đại đoạn sự kinh-tế lâu xa của nước ta, không phải là đối với sự khó-khăn hiện thời trong năm ngoái, năm nay, mà mưu toan cứu cấp vậy. Tuy vậy, nhân thấy cái quang-cảnh mới từ năm ngoái sang năm nay, xã-hội rất khó-khăn hơn trước,

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiểu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

lại càng nghĩ đến cái vận-mạnh từ nay về sau nữa, biết rồi nữa xã-hội ta ra sao? Ngạn-ngữ ta có câu rằng: «*cái khó bó cái khôn,*» thời dẫu có cái khôn, nhưng mà khó, cũng chết; huống chi cái khôn của chúng ta đối với ngoại-giới đã thua kém, nếu lại khó, nguy biết là chừng bao! Cái vận-mạnh sinh tồn đã nguy, thời cái tiền-đồ tiến hóa còn lấy đâu cho có nhiều hy-vọng. Cho nên không cứ sĩ, nông, công, thương, các giới, ai kẻ hữu tâm đến thời-cục, nhất thiết đều nên lo.

Nghĩ như nước ta, ruộng đất tốt, rừng núi nhiều, các mỏ có, phận đất duyên hải cũng thực giải; cứ địa-diện với nhân-khẩu đối chiếu nhau, có lẽ không đến nỗi kinh-tế khó khăn là phải. Vậy mà cuộc kinh-tế mỗi ngày mỗi khó thời là sao? Cứ ý tôi xét ra, có hai lý-cớ:

Một là *tài trí của quốc-dân ta đối với ngoại-giới có kém.*

Hai là *những nhà tư-bản nhiều người không chịu bỏ của đứng làm công-cuộc gì.*

1) *Nói về tài trí,* thời quốc-dân ta thứ nhất đã kém về cơ-khí, cho nên công nghệ phải thua. Vật xấu mà giá bán đắt hơn, thời còn mong gì tiêu thụ cho ngoại-quốc. Dẫu không nói tiêu thụ ra ngoại-quốc, mà ngay trong bản-quốc, người nước mình vẫn phải cần dùng đồ của ngoài. Bài trừ ngoại-hóa, chẳng qua là câu truyện nói chơi, khó thay sự-thực vậy! Thử xem như: chè tầu, sa tây, vải ấn-độ, ba thứ đó mỗi năm người nước ta tiêu dụng biết bao. Không phải là ta không có chè uống, không có sa, the và vải để mặc, nhưng mà sự tiêu dùng ngoại-hóa cứ như thế, thời là lý thế như thế vậy.

Lại xem như ở Nam-kỳ, nhà máy say gạo của người ngoại-quốc thời không sao; người nước ta chỉ có một cái nhà máy say, mà cháy. Ở mặt bể, tầu của người ngoại-quốc thời không sao; người nước ta có một cái tầu *Bình-Chuẩn* mà chìm. Tôi thường nghĩ đến sự đó, ngờ cho là vận-hội của quốc-dân chưa đến ngày được khá hay sao? Dù có như thế chăng, cứ sự thực nghĩ ra, cũng là tài trí kém thua vậy.

2) Nói về *tư-bản,* nguyên người nước ta đã không lấy đâu có được nhiều người có tư-bản to vì với người ngoại-quốc; mà sự chiêu phần lập hội thời cái bụng ăn ở với nhau kém, cho nên không mấy hội được bền, nghĩ chỗ đó thật đáng buồn, mà có nói lắm nữa cũng vô ích. Tư-bản đã kém thời lấy đâu làm được những công-cuộc lớn mà mong tranh cạnh với ai. Sự kém thua đó đã đành chịu. Lại đến những người có tư-bản mà không chịu tính làm việc chi hết, thời cái của đó cũng bằng thừa. Tôi từng nghe người ta nói truyện: nhà một ông Tú ở về hạt huyện Thanh-oai, Hà-đông, cũng có nhà ở phố Hàng-gai, Hà-nội, nhà giầu có tới trăm vạn, những bạc trắng chôn ở dưới đất tới mười chum giở lên, như thế mà không có làm một việc chi hết. Nghĩ như cái tiền của ấy mà đem ra mở các công-cuộc, thời bao nhiêu kẻ lao-động được nhờ đó có việc làm, bao nhiêu kẻ có nguyên-liệu được,

nhờ đó có chỗ bán, mà xã-hội thêm ra được bao nhiêu hóa-phẩm ru? Thật là đáng tiếc vậy! Cậu truyện đã là nghe, thời không có lấy chi làm đích sác; song thế-gian đã nói thời chẳng ít cũng nhiều. Lại nghĩ một nhà tư-bản ấy như thế, thời trong xã-hội chắc cũng còn có nhà tư-bản khác cũng như thế; những nhà tư-bản như thế, cũng lại chính là một cái nguyên-cớ làm cho kinh-tế khó khăn vây.

Vì tài trí kém, cho nên kinh-tế khó; mà cái khó lại bó cái khôn. Vì tư-bản không bỏ ra, cho nên kinh-tế khó; mà cái cảnh khó khăn lại cũng làm cho ai trông thấy mà buộc chặt. Nguyên-nhân làm ra kết-quả, kết-quả lại làm nên nguyên-nhân, cứ như thế tuần-hoàn, thời xã-hội khó khăn, mỗi ngày càng khó khăn, mà tiền-đồ của quốc-dân rất nguy hiểm. Nguyên-cớ của sự khó-khăn đã như thế, thời nghĩ muốn cứu-cấp cuộc kinh-tế của ta cho khỏi khó khăn nên như sao?

Ý tôi nghĩ rằng:

Tài trí của chúng ta có kém, chưa thể mà học ngay bằng người được, thời chỗ ấy đành đã chịu thua. Tuy vậy, một là ta xét những việc người ta có thể làm mà mình cũng có thể làm; làm mà cũng có thể tranh lợi. Hai là ta cần tìm ra những nghệ mới, người ta chưa ai làm mà mình làm; làm mà có thể có lợi. Nhớ khi tôi qua ở Qui-nhơn, có nghỉ chơi ở nhà ông Phan-thanh-Khuyến (cháu cụ Phan-thanh-Giản), trong nhà buôn bán mà có làm thêm một việc *cước cá* (ta thường gọi là *vây*). Cứ ông Khuyến nói truyện với tôi và dẫn cho tôi xem biết sự làm ấy, thì giờ trước sau vào 40 ngày mà lãi một gấp đôi, bỏ ra 40 đồng vào khoảng đầu tháng trước để mua vây cá, thời đến trung-tuần tháng sau bán đủ 80 đồng, không sai lạc chút nào. Duy bởi việc làm có hơi phải chịu khó, cho nên người An-nam ta không có mấy nhà làm, mà cái lợi lại về tay người khách; người họ thuê đất ở dữa cảnh ruộng, lập sưởng và mộ nhân-công, mỗi năm *cước* gửi về Tầu, thực số lợi cự vạn. Đó là việc người ta đã làm mà mình có thể làm. Lại như ông Nguyễn-khắc-Mại ở Thái-bình nói về sự làm *ruốc cá* (xem mục Thiền-đàm ở Bản-chí số trước), tôi tuy chưa dám chắc ra sao, song có thể cũng là một việc làm mong có lợi ích không ít. (Dẫn lời ông Phan-thanh-Khuyến nói về cách làm cước cá, và bàn thêm với ông Nguyễn-khắc-Mại nói về cách làm ruốc cá, xin sẽ đăng ở mục thiền-đàm kỳ khác). Đại-khái ý tôi nghĩ về sự tìm ra công-nghệ mới, lại càng là cần nên chú ý hơn.

Phàm nói đến sinh lợi, vô luận tính theo phương-cách nào, thế tất có trông cậy ở các nhà tư-bản. Các nhà tư-bản, tức là người giữ quĩ của công-chúng. Số tiền quĩ nếu không bỏ ra, thời các việc không việc gì có thể làm. Cái tiền-đồ của sự kinh-tế nếu còn cứ mỗi ngày khó-khăn, thời xã-hội thế tất đến tiêu-điều; xã-hội mỗi ngày tiêu-điều, thời một hai nhà tư-bản kia đứng lẫn với hơn chín mươi nhà bần bách nguy vong, khó mong sự binh-yên sung-sướng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

vậy. Chữ nho có câu rằng: 轉禍爲福 *Chuyển họa vi phúc,* » nghĩa là « đem sự có vạ chuyển làm sự có phúc » là thế. Hiện nay tình-trạng trong xã-hội ta như thế, tức là cái thời-cơ của các nhà tư-bản được chiếm có giá-trị; nếu ai không biết thời-cơ mà tự chiếm lấy giá-trị thời tức là không có tài, không có bụng dạ với công chúng, mà tự đặt cái địa-vị vào ba chữ "守財虜 *thủ tài lỗ,* » nghĩa là « *thằng ở giữ của,* » rồi sẽ thấy họa phúc của tự mình ra sao...

Nay tôi nhân lo về sự kinh-tế khó-khăn của nước ta, mà nghĩ đến cái giá-trị của các nhà tư-bản, ngu-kiến thiển-thức, xin hết bầy tỏ.

Quốc-dân ta nghĩ sao ?

Các nhà tư-bản ta nghĩ sao ?

Nguyễn-khắc-Hiếu

樂以天下。憂以天下。

Lạc dĩ thiên-hạ; ưu dĩ thiên-hạ.

Đây là hai câu trong sách Mạnh-tử, lời ông Mạnh-tử nói truyện với vua Tuyên-vương nước Tề.

Nghĩa rằng:

Vui là vui vì cả thiên-hạ, cùng thiên-hạ cùng vui. Lo là lo vì cả thiên-hạ, cùng thiên-hạ cùng lo.

Ông Mạnh-tử nói đây, là xuy cái bụng các vị thánh-đế minh-vương đời xưa, lấy mình đối với dân, coi cũng như một. Cho nên mình có vui là vui chung cho cả thiên-hạ, không phải vui riêng một mình; mình có lo là lo chung cho cả thiên-hạ, không phải là lo riêng một mình. Bởi thế cho nên cái vui của mình mà thiên-hạ cũng đều vui, cái lo của mình mà thiên-hạ cũng đều lo. Hai câu này chữ ít mà nghĩa nhiều, ý-vị toàn ở một chữ 以 « *dĩ* », rất nên ngẫm nghĩ thay !

Chúng tôi nhân câu nói của người xưa như đây, mà lại nghĩ về sự-thực của người xưa, thời thực có như thế. Vua *Hạ-Vũ* ở Trung-quốc, lo cho thiên-hạ ở Trung-quốc về sự trị thủy, ba lần đi qua cổng nhà mà không vào, đương lúc mình lo mà thiên-hạ cũng lo; đến khi *trị thủy thành công* thời mình vui mà thiên-hạ cũng vui vậy. Vua *Lê Thái-tổ* nước ta, lo cho thiên-hạ nước ta mà giấy quàn ở Lam-sơn để chống nhau với Minh, trải mười năm gian quan, mình lo mà thiên-hạ cũng lo; đến khi *bình Ngô đại-cáo* thời mình vui mà thiên-hạ cũng vui vậy.

An-nam tạp-chí

MỘT VỊ DẠI NHÂN-VẬT Ở' NAM-KỲ

về hồi hai nước Pháp, Việt mới giao tiếp

Cụ Phan-thanh-Giản

Cụ Phan-thanh-Giản ở Nam khi xưa, các nhân-sĩ ngoài Bắc đến nay đều có nhớ tiếng. Bản-chí nhân có người thân tín khách du trong Nam là M. Vũ-Trang biên thuật truyện Cụ gửi về, Bản-chí xin cứ nguyên văn đăng như sau, để các bạn Độc-giả cùng hay, và cũng để chất cùng Nam trung, chư quân-tử.

An-Nam Tạp-Chí

Phan-tiên-sinh húy là **Thanh-Giản** hiệu là *Trịnh-Bá*, tự *Đạm-Nhiên, Lương-Khê*, biệt-hiệu là *Mai-Xuyên*, giòng giõi tổ-tiên, vốn ở ngoài Bắc ; sau vì loạn-lạc phải thiên-cư ở về tỉnh Bình-định (Trung-kỳ) Nhưng sau gặp hồi loạn Tây-sơn, song-thân tiên-sinh lại phải thiên-cư ở về làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị, huyện Bảo-an (tục thường kêu là Ba-tri) phủ Hoằng-trị (bây giờ là thành phố tỉnh Bến-tre) tỉnh Vĩnh-Long.

Tiên-sinh sinh giờ thìn ngày 12 tháng 10 năm Bính-Thìn đời vua Cảnh-hưng (1796) năm 20 tuổi mẫu-thân từ-trần, nhà nghèo lắm, lại gặp tai họa phụ-thân không chịu khuất phục gian-thần phải bị tù tội. Nhưng may có nhiều người thấy tiên-sinh là người chăm học, nên hết lòng trông nom giúp đỡ.

Năm Ât-dậu (1825) là năm thứ sáu đời vua Minh-Mạnh, nhà vua mở khoa thi ở Gia-định (Nam-kỳ) tiên-sinh đậu Cử-nhân.

Năm Minh-Mạnh thứ bẩy là năm Bính-tuất (1826) tiên-sinh dự thi hội ở Kinh-đô Huế đậu Tiến-sĩ. Khoa này ngoài Bắc có mười người đậu Tiến-sĩ, mà trong Nam chỉ có một mình tiên-sinh.

Theo như lời của nhiều bực thân-sĩ nói, thời trong Nam chỉ có tiên-sinh là đậu được tới Tiến-sĩ, cao hơn hết thảy các quan khác, vì xưa nay trong Nam chẳng có ai đậu tới Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, hay Thám-hoa chi cả. Tiên-sinh đậu rồi, nhà vua nể vì trong Nam hiếm, nên muốn trọng-dụng để đáp lại tấm lòng « trung thành » của dân Nam-kỳ đối với vua Gia-Long ngày trước. Vì thế được thụ-chức Hàn-lâm-viện-biên tu ; nhân có chỉ được ra làm quan Tham-hiệp ở tỉnh Quảng-bình, chính hồi ấy tiên-sinh cưới bà Chánh-thất và đem bà về trông nom hầu hạ song-thân. Khi tiên-sinh đi làm quan xa, lâu chưa về, có làm một bài thi gửi về cho bà chánh-thất như sau này :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Tình này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười kẻ ham rong ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước nợ trai đành nỗi phận,
Cha già nhà khó cạy nhau cùng.
Mấy lời dặn dỗ khi lâm-biệt,
Rằng nhớ, rằng quên lòng hỡi lòng ! !

Năm Minh-mạnh thứ 8 (1827) tiên-sinh được thăng chức « Lang-trung » bộ Hình.

Năm Minh-mạnh thứ 9 (1828) được quyền nhiếp tỉnh Nghệ-an, chửa được bao lâu, lại phải về phục chức Tham-hiệp ở tỉnh Quảng-bình như trước.

Năm Minh-mạnh thứ 10 (1829) được quyền nhiếp Tham-hiệp ở tỉnh Nghệ-an, lãnh Lệ-bộ-tả-thị-lang ; rồi sung chức Hiệp-trấn tỉnh Ninh-Bình.

Năm Minh-Mạnh thứ 12 (1831) đổi về làm Hiệp-trấn tỉnh Quảng-nam ; nhân vì

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

giặc giã, chống cự thất bại, nên bị giáng xuống làm Tiền-quân hiệu-lực. Cuối năm ấy lại làm phó-sứ cùng với ông Hà-Tôn-Quyền làm chánh-sứ sang Paris (kinh-đô nước Pháp) đến sang đầu năm sau mới về.

Năm Minh-Mạnh thứ 13 (1832) được phục chức Kiểm-thảo Nội-các-hành-tẩu, qua chức Hộ-bộ-viên-ngoại-lang, cho đến chức Hồng-lô tự-khanh, sang làm phó-sứ nhà Đại-thanh. Khi đi sứ qua ải Đồng-quan, tiên-sinh có vịnh bốn câu:

Buổi sứ-trình đêm mưa dặm tuyết,
Bạn cố-tri mảnh nguyệt quan san.
Rạng ngày đến cửa đồng-quan,
Tiếng xưa « thập-khứ nhất-hoàn » là đây!

Khi đi ngang qua rừng vắng, có vịnh bốn câu:

Muôn dặm đường xa mới tới kinh,
Bao nhiêu non nước, bấy nhiêu tình.
Rừng không, người vắng, chim kêu rốn,
Trăng lặng, sao mờ, gió thổi rinh!

Chính lúc tiên-sinh đi sứ có làm một tập thi gọi là:

Kim-đài-thi-tập «金臺詩集»

Năm Minh-mạnh thứ 15 (1834) tiên-sinh đi sứ về có tâu vua cải cách nhiều sự quan hệ, theo như lối nhà Thanh bấy giờ. Năm Minh-Mạnh thứ 16 (1835) được thăng chức Đại-lý tự-khanh, kiêm biện Hình-bộ sự-vụ, sung Cơ-mật-viện đại-thần, nhân vì có giặc Cao-miên phải thân-hành cùng với ông Trương-minh-Doãn, ông Nguyễn-tri-Phương đi tiễn-trừ; thành công rồi, tiên-sinh được bổ làm quan Bố-chính tỉnh Quảng-nam, hộ-lý Tuần-phủ quan-phòng.

Năm Minh-Mạnh thứ 17 (1836) tháng giêng vì việc can-giáu ngăn đón vua tuần-du Nam-Kỳ, nên bị giáng xuống làm Lục-phẩm thuộc-viên; được hai tháng thăng lên chức Nội-các thừa chỉ, sung Cơ-mật-viện.

Năm Minh-Mạnh thứ 18 (1837) được thăng chức Hộ-bộ-lang-trung biện-lý bổ-vụ, sung chức Thừa-thiên phó chủ-khảo; cũng năm ấy được thăng Hộ-bộ-thị-lang, sung Cơ-mật-viện đại-thần, Vua sai chép bộ sử «Minh-Mạnh chính-yếu» 明命政要

Năm Minh-Mạnh thứ 19 (1838) được bổ đi Kinh-lược ba tỉnh: Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa. Sau về vì sự quên không kiểm-soát đóng ấn trong chương sớ chi đó, nên bị giáng xuống chức Lang-trung biện-lý-hộ-vụ. Vua lại sai đi ra Quảng-nam coi khai mỏ vàng, và ra tỉnh Thái-nguyên coi khai mỏ bạc.

Năm Minh-Mạnh thứ 20 (1839) được đổi về làm quan Thông-chính sứ-tư, vì việc gỡ tội cho bạn đồng-liêu là ông Vương-hữu-Quang, nên bị dời qua chức Thông chánh-phó-sứ hộ-lý-thương-trường sứ-vụ.

Năm Minh-Mạnh thứ 21 (1840) sung chức Thừa-thiên phó-chủ-khảo nhân vì kiểm-duyệt khảo hạch không kỹ, nên bị giáng xuống một cấp, chưa được bao lâu thăng chức Binh-bộ-thị-lang.

Năm Thiệu-trị nguyên-niên (1841) được thăng chức Tham-tri sung Cơ-mật-viện-đại-thần, và làm Chánh-chủ-khảo ở Hà-nội (Đông-Kinh.)

Năm Thiệu-trị thứ 2 (1842) phụ-thân tiên-sinh mất, vua Thiệu-trị có ban vàng bạc đem về tống-táng. Tháng mười năm ấy vua đòi trở về Kinh. Khi sắp ra đi, bà chánh-thất có ý muốn giữ tiên-sinh ở lại một đêm (?) nữa, tiên-sinh khẳng-khái cản lại, và có vịnh bốn câu thơ.

Thương vua, mến chúa phải ra đi,
Bịn-rịn làm chi thói nữ-nhi,
Muôn dặm Trường-an mau trở lại,
Vào chầu bệ ngọc hả lòng my.

Trong khi tiên-sinh cư-tang ở nhà, ban ngày thân-hành ra mộ đắp đất, dỗ cỏ. Nhiều người thấy thế, muốn làm thay, tiên-sinh không cho; ban đêm mặc áo giải, ngồi chếp bằng đọc sách, tỏ ra ý kính-trọng thánh-nhân, và giữ đúng lời thánh giậy ngày xưa là khi ở nhà để tang đọc xem nghi lễ, thực là một người chí-hiếu.

Năm Thiệu-trị thứ 4 (1844) sung chức Đô-sát-viện Tả-phó đô-ngự-sử, kiêm Cơ-mật-viện đại-thần. Vua sai đi Kinh-lược

từ tỉnh Quảng-trị tới tỉnh Thanh-hóa.

Năm Thiệu-trị thứ 7 (1847) vì có công coi sóc việc lấy số hộ-khẩu, nên được thăng chức Hình-bộ-thượng-thư sung Cơ-mật-viện-đại-thần.

Năm Tự-đức nguyên-niên (1848) được bổ qua làm Lại-bộ thượng-thư sung Cơ-mật-viện-đại-thần. Cùng năm ấy bên nhà có chỉ sai quan Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Lao-sùng-Quan đem sắc phong cho vua Tự đức. Trong khi vua sai dọn nhà công-sứ, tiên-sinh có treo câu đối như sau:

帝臣自北而南。王臣自南而北。歸路來路。

Đế thần tự Bắc nhi Nam, vương thần tự Nam nhi Bắc, qui lộ lai lộ.

仁者以大事小。智者以小事大。樂天畏天。

Nhân giả dĩ đại sự tiểu, trí giả dĩ tiểu sự đại, lạc thiên úy thiên.

Nghĩa là: Bầy tôi của đức hoàng-đế từ bên Bắc sang Nam, bầy tôi của nhà vua từ bên Nam sang Bắc, đàng thời về, đàng thời lại; kẻ nhân lấy nước lớn phụng-sự nước nhỏ, kẻ trí lấy nước nhỏ mà phụng-sự nước lớn, đẳng thời vui theo lẽ trời, đẳng thời sợ không dám trái lẽ trời.

Năm Tự-đức thứ 2 (1846) sung chức Kinh-duyên sung-diễn-quan, chủ việc diễn sách cắt nghĩa cho vua nghe; rồi lại sung chức Tả-kỳ Kinh-lược đại-sứ lãnh Bình-phú Tổng-đốc, kiêm Trị-thuận Khánh-đạo.

Cùng năm ấy tiên-sinh có tiến-cử một người bạn thân học giỏi, tài cao, khi đưa ra kinh-đô để yết kiến vua Tự-đức, vua Tự-đức muốn thử tài, nhân thấy trong nội vông các bà hoàng, các bà phi, các bà công-chúa đi lại lườn-lượt mới đọc ra một vế câu đối nôm:

Võng vào, võng ra, võng la (1) hảo-kiệt,

Ông bạn của tiên-sinh ứng-khẩu đối ngay:-

Chiếu ngồi, chiếu ngự, chiếu cử hiền-lương.

Vua Tự-đức thấy đối hay, biết là người có tài, liền được trọng dụng.

Năm Tự-đức thứ 6 (1853) được thăng chức Hiệp-biện đại-học-sĩ lãnh Binh-bộ thượng-thư sung Cơ-mật kinh-viện, chép bộ sách "Việt-sử-thông-giám-tổng-mục" 越史通鑑總目

Năm Tự-đức thứ 8 (1855) tiên-sinh tâu vua xin lập miếu dựng bia, thờ ông Võ-trường-Toản, ông này giòng-giõi người bên Tầu về đời nhà Minh, đã có công khai sáng Nho-giáo trong Nam-Kỳ trước hết, và gây dựng được nhiều nhà danh-sĩ giúp vua Gia-Long như ông Trịnh-hoài-Đức, ông Ngô-tòng-Chu v. v.. Trong Lục-bộ có kính tặng ông Võ-trường-Toản một câu đối như sau:

生前教訓得人。無子而有子。

Sinh tiền giáo-huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử.

沒後聲名在世。雖亡者不亡。

Một hậu thanh-danh tại thế, tuy vong giả bất vong.

Nghĩa là: Khi sống, giảy-dỗ được nhiều người dỏi, tuy không con mà cũng vẫn có con; Lúc thác rồi, danh tiếng để lại trên đời, tuy đã mất mà thực là không mất.

Năm Tự-đức thứ 12 (1859) quan nguyên soái Pháp là Rigault de Genouilly đem quân đánh cửa Hàn (Tourane) mấy trận không thành-công, rồi lại đem quân vô đánh Saigon, Gia-định, Biên-hòa; thế nguy-biến tiên-sinh có giảng sớ tâu cái kế-sách «nghị-hòa» trái hẳn với cái kế-sách «nghị-chiến» của các quan.

Năm Tự-đức thứ 14 (1861) bà chánh-thất của tiên-sinh tạ-thế ở làng Bảo-thạnh, để lại ba người con trai, và ba người con gái; học hành đều giỏi cả.

Năm Tự-đức thứ 15 (1862) quan nguyên-soái Rigault de Genouilly

(1) Đây lại là chữ nho «Võng la» 羅網 nghĩa là cái lưới đón lấy hay đơm lấy, đối lại với «Chiếu-cử» 詔舉 cũng là chữ nho.

chiếm-cứ Gia-định, Tiên-sinh cùng với ông Lâm-duy-Hiệp bị cử đi thương-thuyết về việc nghị-hòa, nhưng vì thế-lực yếu, đành phải nhượng giao Gia-định, Định-tường, Biên-hòa ba tỉnh ấy cho người Pháp và một số tiền bốn trăm mười đồng. Vua không bằng lòng, đem lời nghiêm-trách đổi tiên-sinh vô làm Tổng-đốc tỉnh Vĩnh-long, để trù tính mọi việc,

Năm Tự-đức 16 (1863) vua đòi tiên-sinh về triều sung-chức Như-tây chánh-sứ, ông Phạm-phú-Thứ làm phó-sứ, ông Nguyễn-khắc-Đản làm bồi-sứ, ông Tôn-thọ-Tường, ông Trương-vĩnh-Ký làm thuộc-viên. Khi đi sứ, tiên-sinh có bài thi quốc-âm như sau :

Chẳn từng lồng-lộng giữa trời thinh,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ-trình.
Lo nỗi nước kia cơn phiến-biến,
Thương bề dân nọ cuộc chao chinh.
Ngàn-trùng biển cả sang Tây-địa,
Muôn dặm đường xa thẳng Đế-kinh.
Mấy nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ việc hòa ninh!

Khi tàu đỗ ở bến tiên-sinh có ngâm bốn câu:

Gió đưa dương-liễu cành cành nguyệt,
Cụm tỏa ngô-đồng lá lá sương.
Thuyền mọn năm canh người bãi Hán,
Địch dài một tiếng khách Tầm-dương.

Khi về tiên-sinh có chép ra bộ «Như-tây» bằng chữ Hán ông Tôn-thọ-Tường, tri-phủ Tân-bình, diễn ra quốc-văn gọi là «Tây-phù nhật-ký» đến nay vẫn còn nguyên-văn lưu-truyền.

Năm Tự-đức thứ 17 (1864) tiên-sinh đi sứ bên Pháp về, tâu vua xin cải-cách nhiều chế độ theo như bên Pháp, nhưng vua đã không nghe, mà các quan lại cũng không tin ; tiên-sinh bực mình có làm bài thi tự-thán :

Từ ngày đi sứ đến Tây-kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giật-mình.
Kêu rủ đồng-bang mau tỉnh giấc,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin.

Cùng năm ấy sung chức Hộ-bộ thượng-thư kiêm Toàn-quyền đại-thần để tiếp rước quan Toàn-quyền đại-pháp là Aubaret sang thương-thuyết việc giao-ước.

Năm Tự-đức thứ 18 (1865) tiên-sinh đã 69 tuổi, dâng sớ xin về trí-sĩ, nhưng vua Tự-đức không cho, buộc phải đi kinh-lược ba tỉnh Vĩnh-long, Hà-tiên, An-giang. Trong khi đi, quan Võ-hiển-điện là ông Nguyễn-tri-Phương có tiễn biệt tiên-sinh một bài thơ quốc-âm :

Ven ngàn, góc biển, dặm chơi vơi,
Vui tẻ phân nhau một bước dời.
Cá lại Long-giang hai ngả nước,
Nhạn về Du-hợp một phương trời.
Nửa hồ cố cựu trăng lai láng,
Cạn chén rưng trông gió lộng khơi.
Chầy kiếp Trường-an mau trở lại,
Thăm người viếng cảnh, ới người ôi!

Năm Tự-đức thứ 20 (1867) ngày 19 tháng năm là năm Đinh-mão, quan nguyên-soái Đại-pháp De Lagrandière, đem quân đến tỉnh Vĩnh-Long, bách phải nhượng ba tỉnh Vĩnh-Long, An-giang, Hà-tiên cho chính-phủ Pháp. Các quan đều có ý quyết chiến, nhưng tiên-sinh vẫn giữ thái-độ ôn-hòa, chỉ muốn lấy lời nói để mua chuộc nhân-tâm. Nào hay chửa được năm ngày mà ba tỉnh đều vào tay người Pháp. Tiên-sinh thấy sự tình như thế, buồn phiền quá độ, mới niêm sớ và đồ triều phục ấn truyện với 23 đạo sắc của vua phong cho tiên-sinh, cùng là đồ châu báu khí-giới trong ba tỉnh, gửi về dâng lại cho vua, rồi tiên-sinh tuyệt-cốc có làm một bài thi như sau:

Thời trời, lợi đất, lại người hòa,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Lắm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng rồi đường xa,
Lên gềnh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba ! . . .

Và hai bài thi hán-tự «*Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi.*»

造 物 原 來 兩 不 干。
Tạo-vật nguyên lai lưỡng bất can,
只 因 飲 啄 起 爭 端。
Chỉ nhân ẩm trác khởi tranh đoan.
雲 禽 壯 志 何 須 讓。
Vân cầm tráng chí hà tu nhượng,
水 蛤 雄 心 不 肯 寬。
Thủy cáp hùng tâm bất khẳng khoan.
開 口 不 如 緘 口 穩。
Khai khẩu bất như giam khẩu ổn,
入 頭 方 覺 出 頭 難。
Nhập đầu phương giác xuất đầu nan.
早 知 得 利 歸 漁 手。
Tảo tri đắc lợi quy ngư thủ,
雲 水 飛 潛 各 自 安。
Vân thủy phi tiềm các tự an.

Ký-giả xin thiển-diễn ra lời quốc-âm như sau : — dịch năm 1929.

«*Trời đất sinh ra vốn khác lò,*
«*Chỉ vì "tham miếng" phải giằng co,*
«*Cò khoe giài mỏ chi nhường nhịn,*
«*Trai cậy giầy mu chả nói cho.*
«*Mở miệng, không bằng im hóa ổn,*
«*Vương đầu, mới biết gỡ thêm lo...*
«*Sớm hay no giạ ông câu cá,*
«*Bay tít mây xanh, lặn nước mò* ! !

Tiên-sinh có di-chúc nếu sau khi tiên-sinh mất, phải đem linh-cữu về an-táng tại làng Bảo-thạnh gần bên phần mộ tiên-nhân, còn tấm Minh-Sanh (銘旌) chỉ để có chín chữ :

海 涯 書 生 潘 良 溪 之 柩。
Hải-nhai thư-sinh Phan-Lương-Khê chi cữu.

Cũng có sách chép : «Hải-nhai-lão thư sinh tinh Phan chi cữu.»

Tiên-sinh tuyệt cốc đã tới 17 ngày, nhưng vẫn chửa mất, mới hòa thuốc độc, đứng giậy trở mặt về hướng Bắc, lạy năm lạy, rồi ngồi chếp bằng tay bưng chén thuốc độc mà uống. Than ôi ! giây phút cách nhau, hồn tiên-sinh đã xa chơi chín suối, ngậm hờn nuốt dận, cùng ai bầy tỏ tấm lòng son !

Tiên-sinh mất nhằm ngày mồng năm tháng bầy năm Đinh-mão (1867) thọ được 72 tuổi. Hồi ấy ông Tú Nguyễn-đình-Chiểu ở tại làng An-bình-đông (Ba-tri) có bài thi quốc-âm viếng tiên-sinh như sau :

Non nước tan-tành hệ bởi đâu ?
Ngậm-ngùi nhớ đến cõi Ngao-Châu,
Ba triều công-cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương-thường một gánh thâu.
Ải Bắc ngày trông tin nhạn vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh-sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây bạt gió thâu !

Các quan hồi ấy, đưa câu đối viếng nhiều lắm, tựu trung thấy có câu đối này có vẻ suất-sắc hơn cả.

九 泉 未 釋 群 戎 憾。
Cửu tuyền vị thích quần nhung hám.
一 忍 能 全 六 省 民。
Nhất nhẫn năng toàn lục tỉnh dân.

Nghĩa là : chín suối vẫn chưa nguôi được lòng dận quân nhung, một nhịn đi

để cho toàn dân sáu tỉnh.

Năm Tự-đức thứ 20 (1867) vua cùng triều-thần bắt tội tiên-sinh về sự để mất ba tỉnh, cách hết chức hàm của tiên-sinh lại chẻ bỏ cả bia Tiến-sĩ của tiên-sinh nữa.

Đến đời vua Đồng-khánh nguyên-niên (1886) vua cùng triều-thần xét tiên-sinh không có tội chi hết, nên lại phục y chức Hiệp-biện đại-học-sỹ lãnh Binh-bộ-thượng-thư, Nam-kỳ-kinh-lược-chánh-sứ-toàn-quyền-đại-thần, và dựng bia Tiến-sĩ của tiên-sinh lại.

Hồi tiên-sinh sắp mất, cũng có di-chúc khuyên răn con cháu nên ở nhà học hành, trông nom nhà cửa và phần mộ tổ-tiên, đương thế-cục đổi thay, không nên dự chức-tước chi hết. Nhưng về sau tiên-sinh mất đi rồi, các ông con cháu vẫn ra làm quan như thường: con trai của tiên-sinh như ông Phan-Liêm làm quan đến chức Thượng-thư (?) ông Phan-Tôn làm quan đến chức Hồng-lô-tự-thiếu-khanh; cháu của tiên-sinh như ông Phan-thanh-Khắc con ông Phan-Liêm, làm quan đến chức Ấm-thọ-lịch cơ-mật-viện viên-ngoại-lang.

Tiên-sinh vốn là bạn đồng-liêu với cụ Vũ-Phạm-Khải (Tằng-Tổ-phụ của ký-giả.) ký-giả từ khi vô Nam, đã có ý chú-trọng tìm tòi muốn biết qua cái thân-thế của tiên-sinh ra sao, cho nên ngày thường gặp người Nam vẫn có ý hỏi thăm và tìm kiếm sách đọc. Nay cầm bút, trộm phép tiên-sinh mà viết ra bài này, thực lấy làm đau-đớn cho cái thế-cục tang-thương...! Vậy có mấy lời vắn tắt như trên, gọi là tỏ mối cảm-hoài của cố-gia tử đệ.

Vũ-Trang biên-thuật

(SAIGON)

Việc đại cách mạnh về đường xá.

Gần đây các nước trên thế-giới, đối với các hạng công việc, không việc gì là không dùng khoa-học để sửa sang thay đổi cho ngày thêm tiện lợi mãi ra. Mới đây nước Hoa-Kỳ về châu Illinois có một con đường cái chạy xe hơi dài đến 150[m] đã bỏ hẳn lối rải đá đổ nhựa như ngày trước mới lợi dụng ngay **khối sắt đúc ra đắp thành con đường đó**, cứ nghe người nước đó nói ở con đường mẫn, đớ thí nghiệm được kết quả rất là viên mãn vì đường xá ngày xưa, thường hay sinh ra nghiêng lệch, cong queo và rất rễ vỡ lở, đem miếng sắt đúc thành đường, dẫu phí tổn hơi nhiều hơn, nhưng sau có thể đỡ được rất nhiều tiền phí tổn về việc sửa sang, con đường như thế cũng là một sự phát-xiển rất mới lạ có thể gọi là một đoàn tiên-phong về sự cách-mạnh trong việc làm đường xá vậy.

Một thứ máy chớp bóng mẫu hàng

Các người hàng sách, xưa kia thường cứ phải vác hàng từng gói to đi chào các nơi mới bán được, thực là sự rất phiền.

Hiện nay người *Hoa-Kỳ* mới phát-minh ra được một cái máy chớp ảnh bằng điện, chỉ nặng có một boóng và ¾ hình như cái máy chụp ảnh ở trong túi, có thể bỏ vào trong đẫy áo. Những người đi chào hàng có cái máy đó, không cần phải mang mẫu hàng đi nữa, chỉ cần những nhà có đèn điện, đều có thể truyền điện chớp bóng cho rõ ra, vả lại không cần phải dùng một thứ màn trắng nào nhất định cả, cứ chớp ngay vào tường cũng được. Trong máy có thể đặt 250 tờ ảnh khác nhau, mỗi tấm ảnh có thể đem kiểu mẫu và cách tổ-chức từng thứ hàng chớp ra rất rõ ràng, như thế các hàng mua không cần đòi xem mẫu hàng nữa.

MẤY LỜI TRÂN TRỌNG

cùng các bạn thanh-niên nam nữ trong quốc-dân

Anh em chị em ta ngày nay còn được sum họp với nhau trên mảnh đất này, hẳn anh em chị em cũng chưa mấy ai đã quên ngày trước ông bà ta tổn mất bao nhiêu mồ hôi nước mắt, xương trắng máu đào, mới có thể gây dựng mở mang, tranh dành chống chỏi để giao lại cho chúng ta cái miếng đất hương-hỏa ngày nay, và các cụ cũng mong cho chúng ta trở lên người, không đến nỗi là những tuồng cúi đầu sấp mặt, sâu sé lẫn nhau.

Ấy đấy! các cụ kỳ vọng cho chúng ta nên thánh nên thần, mà ngày nay chúng ta được như thế nào tưởng không phải nói nữa. Nói thế hoặc có ai hiểu lầm lại bảo dáng luận-giả này lại muốn bàn về vấn-đề chính-trị ở Đông-dương. Không! luận-giả không muốn nói đến Chính-trị, Luận-giả viết đây là chủ ý phê bình những cái thói hư nết xấu của những ai ai. Mong ai ai có những thói nết như sau, mau mau giác ngộ, ấy là một cái hạnh-phúc chung của xã-hội.

Cái tính xấu thứ nhất là ăn vận xa-hoa. Nói thế chắc có người phản đối rằng: Người ta xa-hoa thì thiệt hại gì của ai, mà ai được phép nói đến. Câu trả lời đó thực đáng làm cho tôi phải lưu ý, dám hỏi ở đời có ai sống một mình được không?

Tưởng ai đã là người, không ai nói rằng: có.

Đã không sống một mình được, tất phải nhờ nhiều người mới sống được; đã nhờ nhiều kẻ khác, ấy là có dính dáng đến xã-hội, đã dính dáng đến xã-hội, thì người ở trong xã-hội ai cũng có quyền nói đến. Vậy nay xin lấy cái tư-cách một người trong xã-hội đứng ra mà bàn luận những sự của ai ai có thể làm cho xã-hội chịu cái ảnh-hưởng không tốt không hay.

Người ta xấu hay tốt là vì cái hoàn-cảnh, nhưng những cái làm cho hoàn-cảnh xấu, tốt, là những cái gì?

Ấy là: phong-tục, tập-quán. Nay cả tính xa-hoa cũng là tập-quán; ta cần phải bài trừ, vậy thì ai thích xa hoa đọc tới đây dù có mếch lòng chăng nữa, nhưng tấm lòng thô thiển này những muốn phô bầy một đôi phần ý kiến nhỏ nhặt nên cũng xin mạn phép các vị độc-giả mà được giãi rõ ra đây:

Hẳn các ngài cũng biết cho rằng: Buổi đời kinh-tế ngày eo hẹp, nếu ai lại chưa thấy, thì xin hãy để quá tai nghe, mở qua báo đọc, sẽ thấy nền tài-chính của các nước giầu mạnh đương lung-lay như kia! huống chi nước ta trăm đường thua kém mà còn cứ đua nhau cùng xa cực xỉ để hãnh diện với bà con, làm choáng mắt công chúng, dù những vật xa-xỉ đó của người nước ta chế tạo ra được, cũng không nên tiêu dùng quá thế, nữa là mười thứ, đến chín thứ rưỡi phải mua của ngoài, cái số lớn tiền tiêu phí đó có bao giờ trông thấy nữa không?

Xin ai là kẻ thích «diện» kia, lại nên biết hơn lên một từng nữa là: người ta không cứ ai, nếu được người đời tôn

quý ấy là tôn quý cái công nghiệp tài đức đó, chứ không vì cái bộ *cánh mốt, ngọc vàng* nhiều mà tôn quý đâu?. Có chăng chỉ những kẻ mê muội họ mới khen, mà được tiếng khen kia thì phỏng có giá-trị gì, mà vẫn còn ham diện mãi. Ấy đấy! những kẻ làm ra tiền ăn vận xa hoa lòe đời còn bị những người thức - giả coi rẻ rúng. Đến như hạng ký-sinh-trùng (thứ sâu sống nhờ) và hạng chỉ bám lấy đức ông chồng mà ăn chơi bài bạc, đài điếm xa hoa, thì đời khinh bỉ đến đâu? Đời khinh bỉ đã đành rồi! song xin hỏi nhỏ ai ai: trong những khi đối bóng trông gương có lấy làm tự thẹn??

Hai là: "Tình - dục" nói đến hai chữ tình-dục không biết có khỏi một số đông các bạn thanh-niên nam nữ vội đập bàn mà la lớn lên rằng: Trời ơi! đương cái thế-giới văn-minh này, mà có kẻ cả gan định cướp sống hai chữ tự-do của người ta ư? Nào pháp-luật đâu, sao chưa trừng trị?

Các bạn ơi! các bạn hãy nên bình-tâm đừng nóng nẩy; luận-giả không phải hạng đem cường-quyền toan cướp rật hai chữ tự-do của các bạn ở giữa thế-kỷ hai mươi này đâu! Luận-giả chỉ nói về cái con đường tình - dục nó làm cho nhiều người phải nhờ thuốc phiện đấm thanh hoặc giải lụa đào lần nước biếc để ăn cướp nợ đời, nếu ai chưa đến thế thì cũng đã trăm cay ngàn đắng ôm một cái sống thừa làm con yêu tình-dục ở chốn nhân - gian, hẳn các bạn cũng đã từng trông thấy đó!

Tôi cũng đã biết: ở đời ai là người không có tình; nếu không có tình thì làm gì có đời. Song chữ tình có hai thứ: một thứ thì xã-hội rất mực tôn sùng và một thứ người đời hết sức khinh bỉ. Chao ôi! phải các bạn đứng vào cái địa-vị chữ tình trên thì luận - giả sao có bài này. Nay luận- giả viết bài này cũng biết có nhiều bạn bất bình, nhưng không thể vì một lẽ gì riêng mà quên cái nghĩa - vụ là anh em thân của các bạn.

Các bạn ơi! người ta đã nói: không điều-độ là có hại; thực thế! kìa đứa bé phần trí-giác hãy còn non nớt, thấy vật ngon đánh mãi bụng kềnh ra; cái hại của đứa bé là cái hại đau giạ giầy. Anh kẻ trộm thiếu ăn túng tiêu phải giắt dao vào lưng đi đào tường khoét vách, thấy của nhiều tối mắt, có ngờ đâu trời đã dạng đòng rồi, thế mà còn vơ-vẩn trong buồng tài - chủ cho đến nỗi bị trói bị cùm, có phải tham lam là kẻ thù chăng? Nhưng mà không; cậu bé con và anh kẻ trộm là hai hạng người thế nào? Ấy thế mà cũng ít khi ta thấy trẻ con ham ăn đau giạ giầy, ăn trộm ngồi tù vì ngốt của. Huống chi các bạn phần nhiều là người có học, đã chẳng nghĩ đến đường công-danh sự - nghiệp làm cho xã - hội được nhờ, mẹ cha hởi giạ, đã không có chí làm nên nữ-kiệt văn-hào như người thế-giới, thì cũng nên làm cho trọn cái bổn phận một người dân trong nước, một người con trong chốn gia-đình. Chứ có đâu lại đua theo tuồng ong bướm vô loài, tập-luyện mãi thói cành chim lá gió, cùng là học đòi Tống-ngọc Trường-khanh quên cả tháng ngày chỉ những ôm đào ấp mận!

Này những ai ai! mau mau giác ngộ! Cái nợ mày râu còn cao như núi Tản, mà tấm thân khăn yếm há phải là của thừa ở chốn nhân-gian?

P. V. Đồng-Văn

CÂU CHUYỆN MỎ THAN CẨM-PHẢ

Hồi mấy năm trước đây, ký-giả có thầu làm than ở ngoài *Cẩm-Phả* (tiếng tây gọi là *Camphamine*). Từ *Hảiphòng* ra đây đi tầu thủy độ 8 tiếng đồng hồ, đi qua *Quảng-Yên* và *Hongay*, Ngồi trên tầu trông ra, bao-la nước biếc non xanh, nhiều vẻ hữu-tình, nhác trông không khác phong-cảnh vịnh *Hạ-long* (*Baie d'Along*) vậy.

Ở bến *Cẩm-phả*, tầu thủy chỉ màn sẽ đậu ở dữa sông, không vào trong bờ được, những khách đi tầu lên xuống phải màn sẽ thuyền cả.

Trước kia ở đây có nhiều hổ và chỉ là một nơi đi về của bọn giặc Khách, vì có tiện đường ở *Đông-Hưng* và *Moncay* sang.

Đã hơn 20 năm nay sở mỏ than khai khẩn, nhà nước có đặt quan *Đồn* để giữ việc trị-an, có sở Điện-báo để thông tin tức, nên lâu nay không sảy ra những sự cướp bóc như trước nữa.

Hiện nay nhà gạch san sát, đường xá sạch sẽ, có chợ họp đông đúc, phố có nước máy, đêm có đèn điện, cái quang-cảnh trông có vẻ nảo-nhiệt.

Về sự buôn bán trông cũng sầm-uất, vì ở đây tiện đường thủy nên ở *Hải-phòng* nhiều người cất hàng ra đây buôn bán. Sự buôn bán mà được vui vẻ, vì nhờ có những mỏ than đã khai-khẩn, là một cái địa-lợi của xứ *Bắc-Kỳ* ta vậy.

Ai đã bước chân ra đây, trông thấy mỏ than ngoài này, mới biết cái mối lợi rất to, có quan-hệ đến nền kinh-tế của nước nhà nhiều lắm. Khi ký-giả ở đó thấy có người thuật chuyện cho nghe rằng: «*Hồi triều vua Minh-Mạnh ta đã có xét đến những mỏ than ngoài này, có lấy một miếng than đem thí-nghiệm, sau không hiểu cách đốt ra làm sao, rồi cho là một vật vô-dụng.*» Ấy đó, rõ ngồi trên đống của mà không biết, đáng ngán thay cho cái dời khoa-học đang lúc mịt-mù! Giá hồi bấy giờ mà nước ta đã có những nhà Kỹ-sư về Khoáng-vật-học, thì cái lợi-quyền kia há chịu nhường ai! Nói đến đây những nhà thức-giả không ai là khỏi ngậm-ngùi vậy.

Hiện thời sở mỏ than mở-mang đã có cái công-trình vĩ-đại, nào nhà kho, nào nhà giấy; nào ông chủ nhất, nào ông chủ nhì; có máy trục than, có máy sàng than.

Mỗi năm các nhà thầu-khoán phải mộ phu ra đây hai lần để làm mỏ, về tháng giêng và tháng sáu annam.

Những số phu ở ngoài này ước được 6, 7 nghìn người: đàn ông có, đàn bà có, trẻ con có, có cả phu ta và phu Khách.

Từ ngày có mỏ than đến giờ, những dân nghèo ở các chốn thôn-quê cũng được có công ăn việc làm trong những lúc mùa màng chưa có, thật có lợi cho dân-sinh quốc-kế vậy.

Phu mộ ra ngoài này làm, cái thời-gian không phải hạn-chế, nghĩa là khi ở nhà rồi thì cai mộ ra làm, mà mùa màng đến lại trở về quê nhà, sở và chủ thầu cũng không có phép giữ lại được.

Mấy năm trước than bán đi ngoai-quốc mạnh lắm, cứ tháng tháng có tầu *Nhật*, tầu *Khách* và tầu các nước đến mua than, đậu ở *Campha-Port* (ta gọi là *Cửa-Ông*) cách *Camphamine* 11 cây số. Những ngày chủ-nhật và ngày lễ phu cũng làm việc cả.

Trong dăm năm gần đây, đường kinh-tế có hơi kém, than tiêu-thụ đi ngoại-quốc chậm trệ, nên những ngày lễ, chủ-nhật hay ngày mưa phu cũng nghỉ việc cả.

Phu làm ở đây có hai hạng: phu làm cho sở, và phu làm cho các chủ-thầu. Những công việc thầu khoán ngoài này, có người thầu làm từng (gradins). có người thầu làm lò (galeries). Đại-khái như sở mỏ than cho mình một chỗ thầu làm, mình phải mộ phu lấy mà làm. Nếu mình gặp được chỗ dễ, lấy được nhiều than; thế là mình có lợi; nhỡ ra làm phải chỗ khó, phu phen làm hết nhiều công, mà lấy chỉ được ít than, thế là bị lỗ.

Phu đi làm sáng từ 5 giờ rưỡi đến 11 giờ; chiều từ 1 giờ đến 6 giờ. Giờ đi, giờ về đều nghe còi tầm của nhà máy.

Cứ chiều nào vào hồi 6 giờ rưỡi, tức là lúc phu ở từng về, cốt mìn nổ ở trên các từng ầm ầm như súng đại-bác.

Các từng cần phải đốt mìn, là để những tảng đá vỡ ra, ngày hôm sau phu đào cuốc cho dễ. Ấy cũng vì những mìn nổ đó mà họa ra cũng sẩy có người bị nạn.

Những giờ tầm đi làm, đứng dưới phố trông lên từng, phu phen tay cầm choòng, vai vác cuốc, đi hàng lũ lượt, coi rất vui mắt. Những tậy coi (surveillant) đến giờ cưỡi ngựa chèo từng, lên để trông nom cho phu làm việc.

Trước kia khi sở mỏ than đang thời-kỳ mới khai khẩn, làm ăn còn dễ, những các chủ thầu chỉ bỏ ra cái vốn ít nhiều thôi, vì cứ trong 10 ngày sở lại cho vay ít tiền. Nhưng đến nay người khôn của khó, các chủ thầu tranh cạnh ra nhiều, nên cái giá - trị và cái quyền - lợi không được hưởng như trước. Bây giờ cứ 50 ngày sở mới phát tiền cho chủ thầu, mà chủ thầu phải xuất ra một cái vốn kha khá để chi cho phu làm hàng ngày. Thí-dụ như thầu làm 1 cái từng có 60 người phu làm, thì mỗi ngày cũng phải chi tới 18$00, một tháng tới 540$00; nếu thầu 5, 7 cái từng thì tất phải bỏ một số tiền to lắm. — Thế mà cũng có nhà chủ thầu to thầu làm 18 hay 20 cái từng.

Ngoài này không những người mình thầu làm, mà cả người Khách cũng ra thầu nhiều. Hồi ký - giả ở ngoài ấy có được nghe bà con thuật chuyện lại hồi đăm năm trước có một bà ở Hảiphòng ra thầu than, bà này vốn liếng không có chí hết, song có trí kinh-doanh, nói thạo tiếng Pháp, nên cách giao-thiệp của bà được trực-tiếp với các ông chủ tây ngoài mỏ. Bà này làm ăn trong đăm năm trời phất lên tới có bạc vạn. Đó, tay không mà làm nổi cơ-đồ, cũng đáng khen cái trí đảm-đang của bọn nữ-lưu vậy.

Còn các ông ra thầu than ngoài này từ trước đến nay, phần nhiều xuất thân là làm Cai cả; vốn liếng trong tay đã không có gì, mà đến học - lực chẳng nói chắc các độc-giả cũng thừa biết. Trước còn làm ăn lương của sở, sau nhờ được thần thế cũng cố xoay bốc vác xin sở một chỗ để thầu làm. Những nhà thầu-khoán này đã sẵn có cái bản - tính nhẫn-nại, không quản chi những sự lầm than, lại thạo trông công việc, biết chịu cúi luồn, trên xoay với sở, dưới kiếm vào phu, đó là cái tư-cách của các nhà thầu-khoán ấy, nên làm ăn không mấy chốc mà cũng bốc lên giầu có cả. Ấy mới ngày nào bác Cai, bác Xếp, mà nay đã ông Nghị, ông Hàn, nhà tây khắp phố, xe hơi mù đường, đã nghiễm-nhiên là một nhà Đại-phú.

Cũng nhờ được nơi phu phen làm đông đúc, nên nhiều người lợi-dụng buôn những đồ cần dùng hàng ngày cho phu như: gạo, nước mắm, thuốc lào, nón, áo tơi, vân vân . . . . . , mà thấm thoắt mấy năm trời cũng kiếm được tiền trăm bạc nghìn cả.

Đem con mắt quan-sát của ký-giả đây mà sét ra những người hoặc buôn - bán hoặc thầu-khoán ngoài này thì toàn không phải là nhà có tư - bản. Chẳng qua là chỉ những người tứ - xứ, bị thất bại các nơi, đến lúc đầu dường tiền hết, đáy túi lương không, thì mới chịu siêu - dạt ra cái nơi sơn cùng thủy tận này vậy.

Ký - giả viết bài này trộm nghĩ rằng: ở xứ *Bắc-Kỳ* ta đây còn nhiều mỏ lắm, chưa khai khẩn được, mà ở vào cái thời-đại máy móc này, than đá lại là một thứ cần dùng lắm. Mong rằng các nhà có trí đi du-học bên Pháp, chẳng nên thờ ơ về khoa khoáng - vật - học, mà để sau này đem tài thi-thố, mở mang cho nền kinh-tế nước nhà, thì cái địa-lợi kia của tạo-hóa riêng để cho con cháu Rồng Tiên mới mong hưởng-thụ được hết vậy.

CHU - CANH PHAM - DINH - KY

NỮ-GIỚI TUNG-ĐÀM

(Những bài vở thuộc về bên nữ-giới)

SỰ QUAN-HỆ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở Á-ĐÔNG, ĐỐI VỚI PHẦN CÔNG-CHÚNG.

Người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng mà có quan-hệ hơn hết, thời nhất là như các bực mẹ vua, vợ vua ngày xưa. Nay tôi muốn đem những ý-kiến đối với bên nữ-giới mà cùng các chị em trong ba kỳ bầy tỏ trong mục đây, cốt là bàn luận về những điều nhẽ quan thiết đến cái địa-vị của khắp thảy các chị em đồng-bào ta ; chớ như cái đạo-lý thuộc về các Vương-hậu, Hoàng-phi khi xưa, nếu đem mà giảng minh, thực là câu nói bất thiết. Tuy vậy, đã là nói về *đàn bà ở Á-đông*; thời không thể bỏ qua một hạng người phi hậu ấy. Chúng ta dẫu không giảng minh cái đạo-lý làm Hoàng-phi, Vương-hậu ; song chúng tá cũng nên biết cái sự quan-hệ của hạng người ấy khĩ xưa đối với phần công chúng ra sao. Huống chi Tạp-chí không phải là như thể Tân-văn, thực có cái tính-chất như quyển sách để đọc cho rộng biết những tư-tưởng và sự-thực của đông tây kim cổ. Cho nên trong kỳ đây nói đến « *sự quan-hệ của người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng*, » tôi có dẫn một chuyện một bà Thái-hậu (mẹ vua) ở trong sử Trung-quốc, như dưới đây ; kỳ khác sẽ luận về sự quan-hệ của đàn bà đối với công-chúng mà nói thiết đến cái địa-vị của chị em ba kỳ ta ai nấy đều không khác nhau lắm.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

* * *

Lòng thương con của người đàn bà quan-hệ với sự yên nguy của một nước.

TRIỆU THÁI-HẬU

Bà *Thái-hậu* nước *Triệu* là mẹ vua nước Triệu về đời Chiến-quốc ở Trung-quốc. Vua Triệu mới lên ngôi, quyền-chính trong nước ở Thái-hậu.

Tần đánh Triệu, Triệu cầu cứu ở nước Tề. Người nước Tề bảo rằng :

« Tất phải đem Trường-an-quân sang làm con tin »

Trường-an-quân là con út của Thái-hậu, phong cho ở Trường-an. *Con tin*, nghĩa là phải cho sang ở bên nước Tề, như vật ký-cuộc vậy.

Thái-hậu không bằng lòng. Quân Tề không chịu ra. Các đại-thần hết sức can. Thái-hậu bảo rõ tả hữu rằng : « Ai mà lại có nhắc nói đến việc ấy, mụ già này tất phải nhổ vào mặt ! »

Có quan Tả-sư tên là Chúc-Long xin vào hầu.

(*Tả-sư*. là chức quan nhàn rỗi, nhà nước để trọng đãi các vị lão-thần.)

Thái-hậu tức giận mà ngồi đợi cho vào.

Tả-sư thung-dung đi lên, ngồi song mà thưa rằng : Kẻ lão-thần chân đau, lâu nay không được vào hầu ; sợ rằng Thái-hậu hoặc có không được mạnh, cho nên muốn được vào hầu thăm Thái-hậu.

Thái-hậu nói : — Tôi phải nhờ bằng xe mà đi.

— Thưa Thái-hậu ăn chắc cũng phải có kém ?

— Tôi chỉ ăn cháo đấy thôi.

Lúc ấy cái vẻ bất hòa của Thái-hậu đã hơi bớt. Quan Tả-sư nói : — Kẻ lão-thần có đứa con là Thư-Kỳ, nó là út, nó hư lắm, mà vì lão-thần đã già yếu, cho nên bụng riêng yêu nó, muốn được bỏ vào một chức trong đội vệ-sĩ để hầu

giữ trong cung nhà vua.

Thái-hậu nói: — Được. Tuổi nó đã bao nhiêu?

Thưa rằng: Nó đã mười lăm tuổi. Dẫu còn nhỏ vậy, xin rằng được còn trong lúc thần chưa chết mà gửi nhờ vào nhà vua.

Thái-hậu nói: — Người đàn ông cũng yêu con út ư?

Thưa rằng: — Hơn đàn bà!

Thái-hậu cười nói rằng: — Đàn bà thời lạ lắm.

Tả-sư nói: — Cứ như kẻ lão-thần trộm nghĩ, thời Cụ yêu bà Yên-hậu, hơn là Trường-an-quân.

Yên-hậu, là con gái của Thái-hận gả chồng sang vua nước Yên.

Thái-hậu nói: — Ông nhầm! không bằng tôi yêu Trường-an-quân lắm kia mà.

Tả-sư nói: — Cha mẹ yêu con, tất phải vì con tính nghĩ về sâu xa. Lão-thần xem như lúc Cụ tiễn Yên-hậu đi lấy chồng, cầm lấy gót chân mà khóc. Nghĩ rằng xa như thế, cho nên trong lòng thực rất thương. Đã đi rồi, không phải là không nhớ, nhưng mỗi đến khi có cúng vái thời khấn cầu cho rằng: "*Tất đừng để cho về*". Đó, há không phải là tính nghĩ cho về cách lâu xa, muốn cho được sinh con đẻ cháu mà đời đời nối ngôi lên làm vua nước Yên đó như?

Thái-hậu nói: — Phải, có thế.

Tả-sư nói: Nay về trước ba đời, những con cháu vua Triệu mà phong hầu, còn có ai là nối nghiệp nữa không?

— Không có!

— Ấy đấy, gần thời vạ đến mình; xa thời đến con cháu. Ôi, há phải là cứ con ông vua phong hầu mà hư đâu? Chỉ vì cái ngôi tôn mà không có công, cái bổng hậu mà không có sự khó nhọc, mà lại có được nhiều những đồ vật quý trọng, cho nên mới ra đến như thế. Nay Cụ đặt Trường-an-quân vào cái ngôi rất tôn, phong cho chỗ đất rất tốt, cho nhiều những đồ vật quý trọng, mà không kịp ngay từ nay khiến cho có chút công với nước Triệu, sợ rồi đến khi gò núi lở, Trường-an-quân lấy gì dung thân ở nước Triệu được ru?

Gò núi lở, là ý nói Thái-hậu trăm tuổi.

Thái-hậu nói rằng: — Xin vâng. Vậy thời tùy ý ông muốn bảo nó như sao. »

Vậy rồi vì Trương-an-quân sắp xe trăm cỗ, cho sang làm con tin ở nước Tề. Quân Tề mới chịu ra; quân Tần lui.

TẢN-ĐÀ

VẦN THƠ

Đêm đông ngắm giăng.

Sương mù giang tít lưng giời,
Đêm đông sao lại có người trông giang.
Giăng kia lần quất cung Hằng,
Thấy đời lạnh lẽo trông giăng đỡ buồn.
Giang tròn soi sáng nước non,
Có khi giang sẽ hầy còn mầu giăng.
Giăng thu vẻ sáng nào bằng,
Giăng đông mới thực ả Hằng soi gương.
Ai ơi! nghĩ nỗi đường trường,
Giang tà có lúc tỏ đường về tây.
Năm năm, tháng tháng, giang này,
Đông tà rồi lại có ngày tròn thu.
Người đời sao vụng đường tu,
Trông giăng chỉ những mong thu tỏ tường.
Mấy người cố-quốc tha-hương,
Có khi mượn bóng soi gương đỡ sầu.
Chênh chênh bóng rọi bên lầu,
Gái sương than thở gót đầu ai hay.
Nực cười! Chú Cuội cung mây,
Nam nam ôm cái gốc cây chịu già.
Yêu giăng chỉ một mình ta,
Đông mà sáng tỏ hơn là thu âm.
Giăng kia còn lắm đêm rằm!...

Nguyễn-thị Như-Ngân

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI THIỀN ĐÀM

Hội Lộc-tùng của người Nhắng về vùng Baxat *"Laokay"*

Tôi lên làm việc trên này (*Baxat*) đã gần hai năm, ngoài việc giảng giậy mỗi ngày hai buổi, muốn nhân lúc thì giờ nhàn rảnh khảo-xát ít phong-tục của thổ-dân trên này, để sau này làm một món quà dâng các độc-giả, món quà của tôi đây không phải là mật-gấu, cao hổ-cốt hay mật-ong gì đâu! chính là món quà về phong-tục của người **Nhắng** ở *Baxat* này vậy.

Phong-cảnh về miền này chả nói thì các độc-giả cũng đã thừa rõ, chỉ những núi cùng rừng, dân-cư thưa-thớt, ở lẻ-tẻ trên các sườn non, ngọn đồi, mỗi sóm mươi mười hai nóc nhà, trong nhà nào cũng có bàn thờ ông vải như ta, ngoài sự thờ ông vải mỗi sóm lại có một cái lều con tựa như cái lều chợ, không tường, không vách, không bàn thờ, không bát hương gì cả, ấy tức là cái miếu của họ thờ thần thổ-địa. Trong ba ngày tết cả, người thổ-dân nào có tấm lòng thành-kính với thần thổ-địa, thời trong miếu hấy giờ mới phảng-phất có mùi khói hương với ánh lửa ngọn nến. Còn quanh năm hương khói vắng tanh, thật là một cái miếu có sác không hồn, người *suôi* ta mới lên không hiểu tưởng là chỗ thờ ma só của họ chắc cũng sờn lòng ghê sợ. (Xin các độc-giả biết cho rằng: người *Nhắng* là con cháu sau giặc *Cờ-Đen* khi xưa người Tầu gọi là *Xa-nhân* không có ma só như người Mường.)

Mỗi năm trừ những ngày tết cùng ngày giỗ tổ-tiên người *Nhắng* chỉ có một ngày hội, tục gọi là **Lộc-tùng**, tức là ngày hội lễ Thần-Nông để dân cư bắt đầu cầy cấy như ở dưới ta làm lễ *hạ-điền* vậy. Hội ấy mở vào ngày mồng tám tháng giêng mỗi năm.

Tục ở đây ngày hội ấy từ người già cho đến trẻ con, đàn ông đàn bà, con giai, con gái, lũ năm lũ bẩy, kẻ trước người sau kéo nhau ra một thửa ruộng gần làng. Dũa thửa ruộng ấy họ chọn lấy một cây tre thật giài, trên ngọn buộc một cái vòng tròn dán giấy trắng, đỏ, theo tượng mặt giời, mặt giăng, cắm xuống gọi là cây nêu, dưới gốc cây nêu để một cái bàn trên bày la liệt, nào sôi nhuộm đỏ, nào đùi lợn luộc, nào thịt gà quay, nào hoa quả, nào rượu bánh. Lúc hành lễ thổ-dân người nhớn trẻ con đứng vây vòng trong vòng ngoài cái bàn ấy, người Lý-trưởng thay mặt cả dân vào làm lễ khấn giời, đất và Thần-Nông, xong đến dân làng mỗi người bốn lễ, trong khi hành lễ họ cũng dùng âm-nhạc, đốt pháo, chỉ khác dưới ta là có *bắn súng hỏa-mai*.

Làm lễ xong người lớn, trẻ con, con giai, con gái tranh nhau những quả cầu, mà các cô con gái đã lấy vải ngũ sắc khâu từ ngày trong năm, trong có nhồi cát buộc một cái giây dài độ hai thước có kết hoa, cầm cái giây ve vẩy, mắt ngắm cái hình tròn trên ngọn cây nêu mà ném vào, khi quả cầu tung lên giây dài rủ ra sau, hoa bay phất-phới, trông tựa như một đàn rết biết bay tranh nhau mà đớp viên ngọc tức là cái hình tròn kia vậy.

Thổ-dân ở đây họ tin rằng: «Hễ có có nhiều người ném trúng vào cái hình mặt giời trên đỉnh đầu cây nêu kia là năm ấy được mùa, dân-cư làm ăn nhàn hạ, không gặp phải thiên-tai như nước lũ hay hoàng-trùng cắn lúa,» nên họ cứ tranh nhau mà ném túi bụi, cho cho mãi đến bao giờ cây nêu đổ, hình mặt giời rách, các quả cầu sơ-sác mới thôi.

Đoạn họ nổi trống, thổi kèn bắn súng hỏa-mai kéo nhau về nhà Lý-trưởng để dự tiệc trong khi ăn uống thời họ chuốc rượu lẫn cho nhau, hoặc đổ rượu vào bát mà quay thìa như các quan dưới *Khâm-thiên*, hoặc làm như người tầu họ *đánh-toan* hễ ai thua phải uống, bữa tiệc đó người Lý-trưởng phải ứng sửa cho dân, đến cuối mùa gặt dân sẽ nộp thóc lại cứ một gấp đôi.

Ngoài những người dân làng, họ lại còn mời khách lạ như quan tây, hay người dưới ta lên làm việc trên này, nếu có khách thì các cô con gái chưa chồng ăn mặc lịch sự phải lên chuốc rượu mời khách. Ôi! nói đến sự các cô con gái *Nhắng* chuốc rượu lại dùng mình ghê sợ, dẫu đến những bậc đại tửu như cụ *Thái-Bạch* cụ *Lưu-Linh* thủa trước, (*Khi say dốc cả san hà mới say*) phục sinh cũng phải sờn lòng khoanh tay lắc đầu xin chịu.

Tôi còn nhớ ngày năm ngoái mấy anh em làm việc ở đây cùng quan Đại-Lý đi dự tiệc, đều bị say bất tỉnh nhân sự, lúc ra về anh em phải níu nhau mà đi, chân nam đá lẫn chân xiêu, ngã nghiêng cả vào bụi rậm đống cây, con mắt lừ đừ, giời đất lăn quay, viết tới đây lại nhớ đến câu thơ của ông *Tản-đà* trong quyển "*còn-chơi*" rằng :

Đất say đất cũng lăn quay,
Giời say mặt cũng đỏ gay ai cười.

Thời bao nhiêu cái e thẹn về sự say rượu hôm đó tiêu tán đi hết. Hai anh em chúng tôi dần dà mãi mới về đến nhà, riêng về phần tôi đặt mình thiêm thiếp, tinh thần phảng phất như được bước vào chốn *non bồng, nước nhược*, quên hẳn rằng mình là một người khách bị các cô gái *Nhắng* ép uống rượu chịu khổ dở về, anh em chúng tôi vốn mang tiếng xưa nay là người chịu rượu, thế mà cũng bị mệt về bữa tiệc đó trong mấy ngày giời.

Từ bấy đến giờ tôi quên bẵng, chỉ nói về cái khổ say rượu của anh em chúng tôi, xin các độc-giả thứ cho, vậy xin nói tiếp sự hành-động của các cô gái *Nhắng* chuốc rượu, cứ mỗi người khách có bốn cô hầu rượu, trước khi mời rượu họ hát múa quay cuồng, sau bưng một đĩa tây có đựng sáu chén rượu nhỏ, mời khách uống, nếu khách tự cất lấy sáu chén rượu lần lượt mà uống, thời các cô vui mừng hát, múa, bằng không chịu uống, tức khắc cô cầm tay, cô ôm đầu, cô vành mồm, cô đổ rượu, tràn trụa cả vào mặt mũi, hết sáu chén ấy, đến sáu chén khác, hết lượt bốn cô ấy lại đến bốn cô khác, cứ thay đổi nhau kỳ đến bao giờ khách bị mệt lử, ngã nghiêng ngã ngửa, mặt mày tái mét, con mắt lừ đừ chân tay run rẩy mới thôi, bất cứ là quan hay là dân, đã là địa vị khách, thời đều chung chịu cái cảnh huống ấy cả, chứ không nể một ai, vì họ cho rằng : "có say rượu như thế mới vui, mới được mùa."

Sau khi tiệc rượu đã tan, họ lại bầy ra cuộc nhẩy múa, tung cầu (quả cầu kết bằng vải ngũ sắc) một bên con giai một bên con gái có phân thắng bại. Phe con giai mà thua, các cô tranh lại mà kéo tai vò đầu, tiếng cười nổ như pháo ran ; phe con gái mà thua, các cậu chỉ được hân-hạnh mỉm cười, liếc mắt đưa tình bắt tay một cái là hết.

Sau cuộc nhẩy múa tung cầu, dân làng kéo nhau ra về, duy còn các cậu con giai chăn đơn gối chiếc cùng các cô con gái phòng không đợi khách, đưa tình liếc ý, dắt nhau ra sườn non, hay bờ suối cùng nhau cất tiếng hát líu lo líu lường (ý hẳn là các câu hát về tình) nam sướng nữ họa, hay nữ sướng nam họa, tương tự như hát đúm hay hát trống quân ở về vùng *Bắc-ninh* dưới ta vậy. Nếu cặp cậu cô nào mà tâm đầu ý hợp, thời về thưa trình với cha mẹ đôi bên, để được cùng nhau kết nghĩa trăm năm. Ở đây họ ít học thức, dầu giai gái gần nhau hát sướng như thế, mà sự mây mưa trong dâu trên bộc hỏi ra chưa từng thấy có ; vì cái tình của họ chân thật, chớ không như dưới xuôi ta...

Dương-văn-Hoàn
Giáo-học (BAXAT)

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

NỖI ĐỜI

Đêm đã khuya, bốn bề im lặng, chỉ còn vẳng nghe tiếng dế kêu sương. Đồng hồ vừa điểm mười hai giờ, thấy cánh cửa một nhà kia hé mở rồi một cậu bé bước ra; dáng đi có vẻ vội vàng, mà đôi quầng mắt còn in hai giòng châu-lệ.

Cậu người xương xương, nét mặt xanh-xao nhưng trông cũng có vẻ tinh-anh.

Vì bà thân-sinh ra cậu mất sớm, nên cũng có phần lật đật.

Người khôn của khó, kế sinh-nhai của ông thân-sinh ra cậu cũng khó mà kiếm đủ miếng ăn, vì thế nên cậu đành phải dấn thân đi làm để nuôi các em đỡ cha già trong khi tài-chính quẫn-bách. Nhưng làm gì? — Một nghề không biết, nên cậu đành liệt vào trong hàng nô-lệ. Cậu tự nghĩ, cuộc đời biến ảo, khách phù-sinh ai dễ khỏi tang-thương, nên cũng cố nhịn nhục cho qua ngày đoạn tháng.

Nhờ có người bà con dạm việc giúp nên cậu được vào hầu hạ trong nhà ông tham Ô... Đã tưởng thân từ nay sẽ được chỗ nương nhờ đủ no cơm ấm áo; nào ngờ trời xanh khe khắt, bắt phong-trần còn đầy đọa chưa thôi. Đem thân gánh vác việc người, bát cơm đổi bát mồ hôi cũng đành.

Ông chủ cậu có một người vợ lẽ và một cô con gái sắc tuy không được như Vương-Tường Tây-Tử nhưng trông cũng có vẻ dễ coi.

Cô tứ bé đã được theo đòi nghiên bút, cái văn-minh Âu, Mỹ, từ bấy đến nay đã thấm sâu vào trong khối óc của cô, nên những sự tự-do bình-đẳng mà mấy đạo tiên-phong trong bạn phụ-nữ hô-hào cô đều thực-hành tất cả. Trước kia khi tuổi cô vào độ trăng tròn, giá cô có đứng bên một cậu con giai thì cô cũng lấy làm ngượng, mà cách phục-sức của cô thì tùy thầy mẹ cô cho mặc sao được vậy; nhưng mấy năm nay, nghĩa là từ khi cô biết theo đòi văn-minh thì quần phải quần lụa bạch, áo phải áo nhung, giầy phải giầy gót đầm như thế mới «*đúng mốt*» mới hợp thời-trang. Tính-hạnh cô bây giờ cũng đổi thay khác hẳn. Trước kia cô nhu mì bao nhiêu thì nay cô lại sỗ sàng bấy nhiêu, nói thì khua chân múa tay, đi thì rún rẩy, thật không có vẻ gì là vẻ con nhà khuê-các. Ông tham cũng đã nhiều phen răn bảo, nhưng cái ảnh hưởng của văn-minh đã thấm nhuần sâu quá, nên những lời ông nói cũng như *nước đổ lá khoai* mà thôi.

Đã thờ chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng thì không những bạn gái cô nhiều mà đến bạn giai cô cũng lắm. *Lửa gần dơm lâu ngày cũng bén*. Vừa mới văn-minh được vài năm mà bụng cô đã thấy dần dần to hơn trước.

Chửa nhiều văn-minh chăng? Cái đó độc-giả lượng biết.

Ông tham buồn về nỗi con hư nên mắc bệnh mà phải xin nghỉ. Gì cô thì nhân lúc chồng yếu tha hồ mà lăn lóc trong trường đồ bác, vì thế mà vốn liếng mấy năm dành dụm của thầy cô chả bao lâu đã bị lá bạc quân bài thu đi mất cả.

Nhà cô bị xa xút nhưng khối óc văn-minh của cô không xa xút. Cô vẫn phải

quần lụa áo nhung, giầy gót đầm. Nhưng lấy tiền đâu mà xắm? Túng thì phải tính, chốn phồn-hoa nào thiếu cách kiếm xu. Gì cô cũng biết cách kiếm tiền đê mạt của cô đó, nhưng *mạt cưa mướp đắng đôi bên một phường*; nên không những gì cô không nói mà nhà cô lại đổi ngay thành cái nhà xăm. Thầy cô ở nhà trong bệnh tật mê man còn biết chi đến việc cô làm.

Cậu nhỏ từ nay lại một công đôi việc, nào dọn dẹp cửa nhà, nào tối đi đón khách. Giá như kẻ khác thì việc đó nào có khó gì, nhưng khốn thay cậu lại còn đôi chút lương-tâm, tuy liệt vào hàng nô-lệ nhưng khối lòng trong sạch cái lực kim-tiền hồ dễ đã thể làm mờ. Cậu trông thấy sự thương luân bại lý đó cũng ngậm ngùi mà thương cho phong-hóa nước nhà. Tiền bổng ngoại tuy có được thêm đôi ít nhưng cậu vốn không quen làm chức Ma-cô đó nên đành phải xin ra.

Đang ở mà đi thì tiền công bà chưa có; đó là lời bà chủ cậu,

Mấy đồng tiền công đối với cậu tuy to thật, trong khi đã quyết, nên cậu chỉ cốt được ra.

Cách ít lâu ông thân-sinh ra cậu ốm, nên cậu phải đến xin tiền công về để thuốc thang, nhưng chả may cho cậu, dữa lúc đến thời bà chủ cùng tiểu-thư đang bận tiếp hai ông khách quý. Mày đến làm gì? Thưa bà thầy con ốm, còn mấy đồng tiền công con xin bà cho con về mua thuốc.

Như thế là mất thể diện với nhân tình, nên bà chủ cậu nổi dận, đứng giậy cầm roi. Cậu vốn sợ oai bà nên mới thấy thế đã bắn ra đến cửa. Bà chủ chạy theo bắt cậu phải vào nhà. Vào tất phải đòn khi nào cậu dại

— Nhỏ mày có vào không?

— Thưa bà con không dám vào.

Cậu nói vừa dứt đã thấy tay trái bà chủ túm lấy ngực áo, còn tay phải ịn luôn hai cái tát tai. Cậu vừa đau vừa tức bị hà-hiếp cố giằng ra được vừa chạy vừa thống mạ đứa « voi giầy. »

Phát cáu bà chủ quay vào nhờ ông khách bắt hộ.

Nô-lệ ái-tình ông khách khi nào từ chối! Trẻ con sức đâu bằng người lớn nên cậu nhỏ bị bắt ngay. Than ôi! tang-thương nổi lớp ba-đào, cái thân gầy mòn kia chịu sao nổi những roi rửa hờn của bà chủ. Vùi dập một hồi, bà chủ, tiểu-thư cùng hai ông khách bỏ đi chơi phiếm mặc cho cậu nhỏ bị trói kêu khóc ở dữa gian nhà.

Sau cuộc vui, mười hai giờ bà chủ và tiểu-thư về,

— Từ dầy chừa mặt bà ra nhé, dừng có láo quen, muốn sống thời cút.

Cậu bé mà khách trông thấy ở trong nhà bước ra là cậu nhỏ này vậy.

Than ôi bé cỏ ngắn tiếng kêu chẳng đến giời, nỗi khổ tâm của cậu nhỏ họa chăng có ánh giăng soi thấu!

CHU-BẢO **Vũ-ngọc-Quỹ**
HANOI

THUỐC SỐT-RÉT NGÃ-NƯỚC

GIA-TRUYỀN KINH-NGHIỆM
ĐÃ LÂU NAM VÀ
RẤT THẦN-HIỆU

Bán tại hiệu
LIÊN-HUY
Phố Hàng-Trống
(*Maréchal Foch*) số 68
NAM-ĐỊNH

Giá bán mỗi lọ **0$25**

HẠT MÁU RƠI

BI-KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu-Sử Vũ-Bằng Soạn.

"Tiếp theo kỳ số 21"

Cậu Trúc: (đọc) Ai .....

Ông Tham: Thong thả thôi ... đừng có đọc nhanh quá nhé. Cậu Trúc vâng (đọc)

Ai sinh ta,
Cha cùng mẹ,
Bồng lại bế,
Thương mà yêu,
Ơn nhường bao,
Con phải ngẫm.

Ông Tham: (gấp sách lại) con cất sách vào bàn này cho vào cặp ấy rồi lại ngồi đấy nói truyện với mợ.

Cậu Trúc: (Cất sách song lại gần bà *Tham*) con học song rồi cơ mợ ạ.

Bà Tham: Con ngoan lắm con thuộc rồi ư?

Cậu Trúc: Thưa mợ con thuộc rồi. Mợ có yêu con không?

Bà Tham: Có mợ chẳng yêu Trúc thì còn yêu ai nữa? Mợ yêu Trúc nhất nhà, mợ quý Trúc quá, thế con có yêu mợ không?

Cậu Trúc: Có ... Con yêu mợ.

Bà Tham: Con có thương mợ không?

Cậu Trúc: Có!

Bà Tham: Thế con yêu ai nữa?

Cậu Trúc: Cốn yêu cậu.

(Hai vợ chồng đưa mắt nhìn nhau lấy làm xung xướng lắm.)

Bà Tham: Bây giờ mợ bảo anh nhỏ anh ấy giắt Trúc ra bờ hồ chơi nhé. Con muốn đi chơi hay muốn ở nhà mấy mợ?

Cậu Trúc: Con ở nhà ... à, này mợ cho con đi chơi một tý thôi nhé, mợ cho con đi ra bờ hồ một tý thôi ạ, mợ nhé, mợ cho con đi nhé.

Bà Tham: (Đứng giậy bấm chuông.)
(trong có tiếng: dạ)
(nhỏ ra)

SEN II

Thêm *Nhỏ*

Nhỏ: Dạ, Mợ gọi gì con ...

Bà Tham: Con giắt em vào trong nhà rửa mặt mũi chân tay chải đầu tóc cho em rồi cho em ra bờ hồ chơi.

Nhỏ: (Vâng ạ)

Bà Tham: Có đi thì đi một chốc một nhát rồi về ngay đấy nhé .... đừng có là-cà rờ-rẫm vào đâu xuốt ngày, đi ...

Ông Tham: Mà đi thì phải trông xe trông tầu cho khéo đấy nhỏ ạ, đi trên hè ấy nhé, đừng có cho em xuống đường nhé.

Nhỏ và cậu *Trúc* vâng (Nhỏ và cậu *Trúc* vào)

SEN III

Bớt Nhỏ và cậu *Trúc*

Bà Tham: (trông theo cho đến khi vào hẳn)

Ông Tham: ..... Quái thế

Bà Tham: Tính dã dễ đấy cậu ạ, cái gì cũng biết ... chẳng ngọng cái gì đâu.

Ông Tham: .....
Này mợ này ... tôi xem là nó sáng giạ lắm mợ ạ! Hóm đáo để ...

Bà Tham: Thưa cậu vâng.

Nó viết kể cũng khá, sách vở dữ-dìn mà được cái dễ bảo ngoan-ngoãn.

Bà-Tham: Cứ kể ra mới học được hai ba tháng mà đã biết đánh vần viết lách mấy đọc nhật-trình, xem truyện được thế, kể cũng đã khá đấy chứ nhỉ cậu nhỉ.

Ông Tham : Khá đấy chứ, Mợ ạ, tôi thấy lắm đứa trẻ sáu bầy tuổi, bầy tám tuổi đầu rồi mà chưa đọc thộng được hai mươi bốn chữ cái kia . . . Tôi sắp cho thằng em nhà ta học vần tây . . . nó có cái khiếu thông-minh như thế chắc học cũng chóng. Nếu bây giờ bắt nạ, bắt nết, dìn giữ cho nó, cố sức chăm nom giậy bảo thì may ra sau nó có thể nên người được đấy .

Bà Tham: Việc ấy trăm sự tôi xin nhờ cả ở cậu. Cậu thương nó bề nào thì nó được hay bề ấy . . . .chứ tôi, giời bày giờ bắt tội, liệu không còn tài đức mà giậy được con nữa. Thôi . . . không con bây giờ nó cũng là con, cậu ạ. Cậu thương nó, cậu săn sóc nó, cậu rèn tập, cậu giậy bảo nó cho nó biết ít chữ nghiã . . . về sau khỏi khổ. Tội nghiệp quá.

Ông Tham : Mợ đừng ngại. Việc ấy tôi đã biết lắm, tôi là người biết nghĩ chứ có như ai đâu . . . tôi không đẻ nó ra, vâng, nhưng thấy một hạt máu rơi, chẳng có ẩi săn sóc, người có chút lương-tâm không thể không ra tay cứu vớt được.

Tôi nghĩ thương nó quá . . . từ lúc lọt lòng mang tiếng khóc oe - oe ra đến giờ không biết bố đẻ là ai . . . . khốn nạn, (tắc lưỡi)

Tôi . . . tôi thì lúc nào cũng thương quý nó như con, mợ đừng sợ . . . . . Ấy tôi thương mợ bao nhiêu thì tôi cũng thương nó như thế đấy. Tôi không thể nào bỏ nó được đâu, bổn phận của tôi là phải giúp mợ trong sự giậy dỗ đứa con ấy... tôi đã nói mấy lần mấy mợ mà . . .

Tôi xin rằng lúc nào cũng để tâm săn sóc đến nó, giậy dỗ nó cho nên thân nên người.

Bà Tham: Thưa cậu cái bụng tốt của cậu, cái lòng khoan-dung đại-độ, cái đức tính quân-tử của cậu, to tát như bể, hai mẹ con tôi lúc nào xin cũng tạc dạ ghi xương không bao giờ dám quên. Mẹ con còn sống ngày nào, còn được trông thấy đời ngày nào . . . ấy cũng là nhờ cả ở cậu ...

Ông Tham: Sao mợ cứ hay nói thế ? Từ đây tôi không muốn để mợ nói thế nữa đâu, mợ đừng nói thế nữa, mợ nhé ! Những cái truyện nhỏ nhặt ấy ta đừng nên kể làm gì . . . có thế mà mợ cứ phải nhắc đi nhắc lại mãi.

Ơn mấy huệ ! Không, mợ có ơn huệ gì tôi đâu . . . cái bổn-phận tôi là phải biết cho nỗi lòng của một người như mợ chứ.

Bà Tham: Cậu cứ giậy thế . . . Sao lại không ơn ? Tôi mà được có ngày nay chẳng phải ở như cậu, thì còn ở ai.

Ông Tham: Thế tôi mà được cái cảnh gia-đình có ngăn-nắp vui-vẻ, đầm-ấm êm-hòa như thế này . . thì chẳng vì mợ còn vì ai ?

(một lát sau) Tôi nghĩ cứ càng thương mợ bao nhiêu thì lại dận bố đẻ ra thằng em nhà bấy nhiêu mợ ạ !

Hắn tồi quá . . . .

Bà Tham : Thưa cậu . . . . lỗi ấy . . . . là ở như tôi cả. Tôi xin chịu, tôi xin cậu đừng . . . . .

Ông Tham : Không, không lỗi ấy không phải ở mợ, mợ không có lỗi gì cả, ấy tôi dám nói rằng tất cả đều là do ở nhà chủ báo trời **Nam** khốn nạn kia thôi. Phải, ta chỉ đáng phàn nàn cho nhà chủ báo kia thôi mợ ạ. Chính thế đấy mợ bảo có phải không ? Hử ! Thượng - lưu trí-thức, mặt lớn tai to, hướng-đạo của quốc-dân, người cầm đuốc trong trận văn trường bút gì mà lại có cái khối óc dã-man như thế, mà lại có cái tâm địa tồi tàn như thế ! (lắc đầu) Không biết óc họ nghĩ ra làm sao, óc gì ? À ! người họ hóa ra từ xưa đến nay vẫn quét bởi một lần sơn đạo-đức, quét một lần sơn đạo-đức để lừa quốc-dân.

(thở giài) Trên báo, nói thì như mở quẹt, ra dáng con người ưu-thời mẫn-thế lắm; thương nước thương nòi lắm, lo lắng về nhân-tâm phong-hóa lắm... bây giờ thành thử ra hão cả... đạo-đức giả ! ! !

Gớm thật... thế thì còn ai biết đâu mà dò ?

Khó lắm ! khó lắm ! bây giờ thành cứ càng trông ra xa bao nhiêu thì lại càng trông thấy hạng đạo - đức giả nhan - nhản ra

trước mắt ... con nhà ngôn-luận, con nhà văn-chương mà còn thế thì trách chi người thường!

Tìm được một người thực-thà chân-chính ở *Hà-thành* ta bây giờ . . . khó lắm. Không biết được thế nào là kẻ hay người dở thành ra dễ mắc lừa, dễ mắc lừa lắm, thật là một cái hại to cho những ai ai mới bắt tay ra ganh đua với đời, chưa am-hiểu mấy . . . mà nhất là cho các cô con gái, trí-thức nông nổi, chỉ ưa nghe những lời ngọt tiếng bùi không chịu suy đi tính lại cho chắc chắn . , . cho cẩn thận . . . các cô chưa từng trải việc đời, dễ xiêu, dễ cảm, thành thử không có sức mà chống cự lại với những nhời nói đong đưa, những câu hẹn đá thề vàng giả mạo.

Bà Tham: Thưa cậu những lúc ấy biết mình đã nhầm nhỡ mất rồi, biết mình đã kiếm phải một người bạn có cái tâm-địa muông sản như thế ... tôi cứ muốn chết đi cho rồi ... Sợ đi ... (ngập ngừng.

Ông Tham: Mợ không nói tôi cũng biết rồi mợ ạ. Phải, mợ nghĩ thế là phải lắm.. tôi xin phục mợ ở chỗ đó.

Vâng, giá thử cảnh-ngộ mợ mà vào người con gái thường, không biết suy nghĩ, không biết thế nào là phải thế nào là trái, không biết công lênh của xã-hội, của cha mẹ, những công việc sau này mình phải làm cho đầy đủ tôi chắc ... tôi chắc cũng đã phí hoại đời mình một cách vô dụng, vô ý nghĩa không ra gì rồi.

Bà Tham: Cứ nghĩ tôi lại thẹn mấy cậu quá . . .

Ông Tham: Thẹn thế nào? Mợ nghĩ xem chết thì ích gì kia chứ?

Mình làm ra lỗi rồi thì chết cũng còn đi một nhẽ ... nhưng đây chết thế nào được? Có phải tự mình làm ra lỗi đâu? Có phải tự mình mợ làm ra cái lỗi ấy đâu?

Chết, có chết thì cũng chỉ uổng thôi chớ không ích gì đâu mợ ạ. Chết thế không có nghĩa-lý gì, không có nghĩa-lý gì chỉ tổ làm cho thiên-hạ người ta chê cười mà các báo-chương một phen ăn tiền thôi, chứ không có gì cả.

Bà Tham: Thưa cậu tôi cũng biết thế .. nhưng . . . người con gái cốt lấy có chữ *Trinh* làm đầu . . . mà để mất đi . . . mất đi thì nhục lắm.

Ông Tham: Để mất chữ trinh có phải tại mợ đâu? Tại nhà chủ báo trời *Nam* nó manh tâm lừa dối, mà hại mợ chứ! Thôi mợ ạ . . . mợ, đừng nghĩ gì đến việc này nữa . . . nghĩ cũng không ích gì! Mợ khuây khỏa đi . . . mợ nên coi nó như một sự mây mù làm mất sự êm đềm đời mợ trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà thôi . . . . mà làm mất sự êm đềm ấy là tại một "*người súc vật*" sống cũng như chết rồi. Tự vấn lương tâm, tôi chắc mợ không phạm một lỗi gì đâu ... đối với con mắt tôi, lúc nào mợ cũng vẫn là một hòn ngọc không vết. Mợ không việc gì mà thế, mợ không việc gì mà buồn Cái nỗi uẩn-khúc của mợ, nếu đời không biết cứ đổ riệt cho mợ là bất trinh, thì đã có tôi, mợ đừng sợ. Tôi biết là đủ rồi . . . mợ không can gì cả, vì cổ-nhân đã có "*ở đời được một người tri-kỷ là đủ*" mợ ạ.

Bà Tham: . . . . . .

(hai người ngồi lặng im)

Ông Tham: À này mợ này lúc nãy tôi xem báo, quên không nói cho mợ biết... Báo *Trời Nam* ấy mà . . . bị đóng cửa rồi đấy.

Bà Tham: Làm sao thế hở cậu?

Ông Tham: Tôi cũng không được biết nữa? Trong báo người ta nói bị đóng cửa thôi chứ không nói tại làm sao cả. Chắc lại cái gì lôi-thôi hẳn . . . hay là hết tiền? Ừ! mợ ạ có lẽ thế ... ê lắm dạo trước thì thế . . . mà xem ra bây giờ kém lắm . . . . Nhằm nhí cả. Cả tờ báo chẳng có quái gì . . . thế thì chẳng chết còn chạy được mấy ai? . . .

SEN III

Nhỏ. Cậu Trúc. Ông Tham. Bà Tham.

Cậu Trúc: (chạy vào) Thưa cậu thưa mợ con đã về . . . (chạy lại gần bà *Tham*) Mợ ơi con . . . . .

Bà Tham: Kìa con đã về rồi đấy à? Thế anh *Nhỏ* đâu?

(*Nhỏ* vào)

Cậu Trúc: Anh ấy đây, kia kìa.

Nhỏ: Dạ.....

Ông Tham: Con đi chơi bờ hồ có thích không? (quay lại hỏi nhỏ) em đi đường có nghịch ngợm không hở nhỏ?

Nhỏ: Bẩm... không ạ.

(**Nhỏ** vào)

SEN IV

Bớt Nhỏ

Ông Tham: À quyển tiểu thuyết gì hôm qua mợ xem song để đâu nhỉ?

Bà Tham: Tôi để ở trên gác. Cậu muốn xem à?

Ông Tham: (gật đầu) phải... Mợ để ở xích đông hay ở đầu dường thế?

Bà Tham: Ở đầu dường... Cậu để tôi lên lấy cho.

Ông Tham: Thôi mợ cứ ngồi, Tôi lên lấy rồi nằm trện ấy xem một thể... (ông Tham vào).

SEN V

Bà Tham và Cậu Trúc

Bà Tham: (bảo cậu *Trúc*) con lại đây mấy mợ... ngồi đây...

Anh Nhỏ anh ấy vừa giắt con ra bờ hồ thôi chứ hay còn đi đâu nữa? Anh ấy có đánh con không?

Cậu Trúc: Thưa mợ: không... Anh ấy có đánh con đâu..... Mợ ạ, anh ấy yêu con anh ấy mua quà cho con ăn cơ. Anh ấy mua kẹo lạc chuông cơ... Thích quá ở ngoài bờ hồ mát mát là....

Bà Tham: Chết anh ấy mua kẹo cho con ăn à? ăn lắm vào... đau bụng thì khổ? Sáng ra đừng ăn kẹo con ạ; hoa quả cũng thế độc lắm đấy... Ăn vào dun nó đục ruột ra.... từ dầy đừng có ăn nhé.

Cậu Trúc: Vâng, từ giầy con chả ăn nữa....

Bà Tham: Ừ con cứ ngoan ngoãn, con cứ nghe nhời mợ, bảo thì rồi đến chiều cho lên bà chơi... Con có muốn lên bà không?

Cậu Trúc: Thưa mợ có.....

SEN VI

Thêm Vị-Côi

Vị Côi tay cầm một quyển sách nhỏ bơ phờ như một anh chán đời lang thang vơ vẩn ở trước cửa ngạch nhà *Mộng-Anh*. Ông có lúc đánh diêm hút thuốc, có lúc rở sách ra xem, có lúc nhìn thẳng vào nhà không chớp mắt.

Thấy cái cảnh mẹ con vui vẻ ông có lúc ghen, lúc dận, lúc như hối hận, lúc như đau lòng mấy lần toan chạy vào trong nhà nhưng lại thôi.

Mộng-Anh không biết bởi vì mỗi khi trông ra đường *Vị-Côi* lại cúi mặt xuống hay đứng tránh ở đằng sau bức tường hay đi quá lên trên.

Bà Tham (ôm cậu Trúc vào lòng) *Trúc* ơi... con ngoan nhỉ.... Mợ yêu con quá, mợ thương con nhất nhà.....

(Cậu **Trúc** dựa đầu vào vai bà thỉnh thoảng lại ngẩng mặt lên nhìn bà một cách rất thân mật)

Bà Tham. — (Soa đầu soa cổ, hôn hôn hít hít cậu *Trúc*)

Vị Côi (đứng ở ngoài trông vào mặt nhợt nhạt đi suýt ngã nhưng may lại dựa được vào bức tường. Chàng lẩm bẩm ở mồm câu gì nghe không rõ.

Bà Tham đặt cậu *Trúc* xuống đất. Cậu chạy chơi ra cửa. Bà theo sau: cũng ở cửa, cậu *Trúc* đứng cạnh bà trông rất là ngoan-ngoãn.

Vị Côi thấy cắm đầu giảo bước đi. Sau nghĩ thế nào lại quay giở lại.

Cậu **Trúc** nhìn ông.

Ông đánh bạo bước lại gần.

Vị Côi (ngả mũ cung kính)...thưa...bà: bà...có nhớ...tôi là...ai không?

Bà Tham ngẩng lên nhìn kinh ngạc kêu thất thanh một tiếng ơ (theo sau một tiếng nhưng không phải là tiếng giời mà là tiếng giời ghép với tiếng "gio" mấy tiếng "giầy".

Bà lui lại cầm lấy tay cậu *Trúc* hoảng hốt đi nhanh vào trong nhà...thì...

HẠ MÀN THẬT NHANH

(Còn nữa)

TIỂU - THUYẾT

(Vân - Lan ký - sự)

"Tiếp theo kỳ số 19"

Em đã cố hết sức lắng tai nghe nhưng không rõ. Con tầu càng ngày càng xa, quanh co khúc rắn, em đứng trông theo, em trông theo cho tới khi tầu khuất hẳn mới trở gót ra về, trong lòng bâng khuâng như ngây như dại, về tới nhà em cất ô, cởi áo rồi vội vàng vào dường tìm xem chị Vân - lan, bỏ quên sách gì, thì ra ở mé dường cạnh chiếc gối bông một góc còn y ngấn nước mắt, chị Vân-lan có một quyển sách đóng tay em vội mở ra xem tay cầm quyển sách, tựa gối song the, em lật chiếc bìa mầu xanh ngắt thấy đề đầu bốn chữ «Vân-lan ký-sự» em bắt đầu âm thầm lẩm bẩm đọc.

Từ đây là nỗi đau lòng của Vân-lan ghi chép

Trăm năm trong cõi người ta,
Tu là cõi phúc tình là giây oan,
Than ôi ! cái kiếp hồng - nhan !

Cũng vì thế nên em mới mượn ngòi bút sắt cùng giọt mực đen để biên chép nỗi đau lòng ngỏ cùng các bạn, tưởng cũng không phải là vô ích vậy.

Như em, đương lúc trăng tròn hoa nở, tơ liễu thướt tha, mặn mà khả ái, xuân xanh đã là bao mà vẻ hoa phai nhạt, làn thu-thủy lờ mờ, niên hoa nào đã bao lăm cho nhan - sắc nhạt mầu, tư - dung ủ dột. Lúc tuổi xuân này, em chắc cũng như các bạn vào trạc độ này, đào tơ sen ngó, nguyệt thẹn hoa ghen. Song le, cái tuổi xuân của các bạn là cái tuổi xuân đáng kính đáng yêu, cái nhan-sắc của các bạn là cái nhan-sắc quý giá; mà cái tuổi xuân của em là tuổi xuân đáng chán, cái nhan-sắc của em lại là cái giây oan-nghiệt nó hại một đời em. Đào non hoa nhủ, như em cỏ khác chi viên bạch ngọc sáng tựa gương, trong như nước, đáng yêu đáng quý biết là dường nào, thế mà đã phải hờn duyên tủi phận oán gió trách mây, nhưng muốn tránh khỏi vòng tục-lụy cõi đời, thế thì còn gì đau đớn bằng, còn gì khổ não cho bằng; thật cao sanh cũng khéo độc địa, ông tơ-hồng cũng khéo trêu ngươi, mà bà nguyệt - lão cũng thường hay bỡn cợt.

Thưa cùng các bạn, cây còn có gốc, nước cũng có nguồn, đáng lẽ trước khi em đem nỗi đau lòng cùng mối khổ tâm ra phô bầy cùng các bạn, em cũng nên nói tới gia-phong, giòng giỏi nề nếp nhà em, nhưng khốn nỗi nói ra luống những thẹn thùng, mà lại thêm bêu rếu đến ông cha giòng giỏi nhà em mà thôi. Song em không nói, thì trong các bạn, hẳn cũng có người không bằng lòng. Vậy em xin tạm lược kể qua loa để các bạn rõ :

Em vốn con nhà nề nếp gia - phong, ông em trước kia cũng làm quan ở một tỉnh lớn. Như em đương lúc sen ngó đào tơ, nếu không noi được gương Trưng Triệu để vẫy vùng với non sông cho danh thơm muôn thủa, tiếng tốt ngàn thu, thì cũng phải cùng chị cùng em ở nơi khuê các bắt chước được Đào-anh là người tiết - phụ, can chi mà phải mang não chuốc sầu để đến nỗi hờn duyên tủi phận mà thành ra con người vô hạnh vô duyên. Nếu em không ao ước tưởng mong những điều quá cao, mà chỉ mong làm người vợ hiền với chồng, mẹ thảo cùng con, thì có đâu nên nỗi, nên nỗi đau đớn khổ não như vầy. Rõ khốn quá, ý tưởng em lại không nghĩ làm đủ phận-sự cùng những việc vừa sức mà lại mong những điều xa lắc xa lơ, nhưng nào mong có được đâu, thật là ảo - ảnh. Thân thế em nghĩ đến mà đau đớn trong lòng, sót sa trong dạ, không biết rằng có ai thấu đến

nỗi này cho không?

Khi em còn đang ở trong vòng ấu-trĩ, em đã có cái tư-tưởng khác thường, em thấy cuộc đời mà mộng hồn phảng-phất. chan chứa biết bao là hy-vọng, mà em tưởng mong sau này, em đã đinh-ninh rằng rồi ra em sẽ được tận hưởng những lạc-thú, mà em đã ước ao sau này, ai ngờ ngày nay, thân em ra cánh hoa vô chủ, tốt đất hẳn hoi, đủ người bón tưới, mà có khác chi một bông hoa sấu đất vun giồng, không người trông đến, để đến nỗi bướm chán ong chường, mà đến gia-đình lạc-thú cũng lìa bỏ em nữa.

Sân hòe thềm quế, khóm chúc ngàn mai, lầu cao hóng gió, đêm vắng xem giăng, cây to bóng cả, ao rộng nước trong, bao nhiêu những cảnh thế thiên-nhiên của hoàn-cảnh gia-đình nhà em đã vì em mà hồ tàn hết. Em càng nghĩ đến bao nhiêu càng khổ-não tâm-can, đau đớn can-tràng bấy nhiêu.

Thương ôi! vì đâu mà em đã phải chắc rằng xương trắng quê người, mồ hoang cỏ mọc không người viếng thăm? Thảm thương cho cái tuổi xuân của em đã đến lúc hoa tàn bóng sế, than ôi! nó có khác đâu lúc chiều hôm nơi quán chợ. Nói tóm lại là vì em quá cho tư-tưởng ước cao; nếu em cứ sáng ngày tựa bóng song thân, học lấy tam tòng tứ đức thì có đến đâu nông nỗi này. Khuôn xanh cũng thực khéo cơ cầu, đã sinh ra có em ở trên cõi tục lụy này, cho em lấy hai chữ sắc, tài, rồi lại bắt em phải mắc míu gian-chuân với chữ tình. Chao ôi! Tạo-hóa ghen ghét chi với khách má hồng mà bầy ra lửa-dục để em mắc phải lưới-tình, mê mẩn trong giấc mộng tình, chìm đắm trong bể tình, chữ tình là cái chi chi mà mê hoặc lòng người đến thế? Có phải nó cũng như một thứ rượu thơm ngon ngọt bùi, mới nhắp vào thì thấy khoan khoái, nhưng chẳng bao lâu nó sẽ công phạt một cách rất nặng nề không? Có phải nó chẳng khác cái vành bánh xe đạm khí soay hết người này đến người khác, để cho khốc hại suy-tàn, cho nghìn sầu trăm thảm cùng nhiều nỗi đắng cay không? Có phải nó chẳng khác một vị-thần lãng-mạn ở trên chín tầng mây, phút chốc sầy chân ngã xuống cõi đất đen ở đám ô-trọc hồng-trần không? Ghê thay! Bể-tình là bể-khổ, là bến mê, là nơi hắc ám tối tăm. mông mênh không bờ không bến mà sao biết bao kẻ đắm đuối mãi không thôi?

Ngày nay, trong đám xương mù đã nhờ có tia ánh sáng, bằng mắt tỉnh giấy thì những điều chẳng hay của em trong hồn mộng-tưởng, đã biến cải tiêu ma đi cả rồi, trước mặt em chỉ riêng có những sự hiển-nhiên là còn lại. Em càng nghĩ bao nhiêu thì càng khô gan héo ruột bấy nhiêu, càng khổ não đau đớn bấy nhiêu.... Thật là như ngây như dại. Muốn khóc mà khóc không nên tiếng, muốn kêu mà kêu không ra hơi, muốn nói mà nói không nên nhời, muốn cười lại cười ra lệ.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

NHÀ IN NAM-VIỆT

CHÚ-TRỌNG VỀ MỸ-THUẬT
NHIỀU LỐI CHỮ MỚI, ĐẸP
IN CẨN THẬN, NHANH TRÓNG
SỬA CHỮA RẤT KỸ-LƯỠNG

Chủ nhân: NGUYỄN-TUYÊN
PHỐ CỬA-TRƯỜNG — NAM-ĐỊNH
GIÂY NÓI SỐ 89

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

THÁI-BÌNH

Tường thuật về việc bắt được một người ra dáng học trò mang nhiều sách cộng-sản.

Nguyên hai giờ chiều hôm 26 Mars người lính cảnh-sát đứng gác ở ngã tư đầu tỉnh lối rẽ xuống huyện Vũ-Tiên thấy có một người ra dáng học trò đi đất, mặc quần áo nam ; đầu đội khăn, tay sách một cái valise da đi bộ ở lối Tân-Đệ về, khi trông thấy người lính này lại tỏ ý sợ hãi, nên người lính này bắt dừng lại mở valise ra khám, thì khi tên này mở valise ra thấy có một cái quần nâu phủ kín ở trong valise không chịu lục nữa, người lính này biết là có sự gian nên hỏi va-lít của anh hay của ai ? Tên kia cứ ung dung trả lời là của y và xin đừng bắt lục nữa. Người lính này bắt phải mở tung cái quần nâu ấy ra thì thấy có một tờ giấy tây viết bằng bút chì trong tờ giấy chỉ viết chữ Thái-Bình à Nam-Định và giặn cứ theo những cách giấy ở trong những quyển sách này mà làm cộng-sản thì mới thành hiệu chứ lần trước làm điều sai cả chương trình ; dưới tờ giấy ấy có ba mươi quyển sách in bằng chữ khắc gỗ đề một giòng : « Tạp-Chí cộng-sản » có hai chữ cộng-sản in mực đỏ rất to đến 5 phân ta vẽ cái búa vắt tréo với cái liềm, ba mươi quyển này đều bằng giấy trắng bìa hơi mờ mờ vàng, và mười quyển sách bé bìa nâu ngang độ mười phân giọc độ 13 phân tây. Ngoài bìa những quyển ấy điều đề chữ chương trình cộng-sản.

Người lính dẫn tên nầy về sở cẩm thời khai tên là Phạm-Thâm 16 tuổi quê ở làng Nam-Huân phủ Kiến-Xương tên này lại chối không nhận cái Valise ấy của mình nữa, như khi nói với người lính cảnh-sát khám trước, mà nói là có hai người mặc quần áo tây gặp ở Tân-Đệ thuê 1$00 đề sách về tỉnh hộ; sau một cuộc tra vấn tên này mới xưng là một người ở Nam-Định giao cho đem về bên này. Vì thế ông cẩm Riche cùng đi ô-tô với một viên mật thám tây đề giải tên này về Nam-Định. Đến Nam-Định, tên này lại chỉ liều vào khám một nhà lương-thiện, khám xét không thấy gì khả nghi, thì biết rõ là tên này nói liều. Sau khi lại giải trở về Thái-Bình mới biết rõ căn cước tên này là em ruột Phạm-Mẫn. Can về việc viết truyền đơn bị tòa án kết án năm năm khổ sai, phiên tòa hôm 27 Mars vừa rồi, mà bản báo đã tường thuật tên này lại là em họ Phạm-Lịch hiện đang giam ở đề lao bản tỉnh can về việc tình nghi vào hội cộng-sản và can vào việc sui dân vào ăn cướP thóc nhà Bát Song hiện nay tên Phạm-Thâm vẫn phải giam ở đây đề viên mật thám tây tra hỏi.

T. N.

HAI-PHONG

Ở Hương-cảng về, một người cộng-sản bị bắt ngay tại bến tàu

Hồi 11 giờ trưa hôm 21 mars, chiếc tầu ở Hương cảng về tới Hải-phòng hành khách lên bộ thì lính mật-thám đứng trên bờ có bắt một người tên là Trần-văn-Dũng. Người này nghe nói là một tay trọng yếu trong bọn cộng-sản, vẫn ở Hương-cảng ngày nay về Bắc-kỳ có ý đi cổ động. Nhưng sở mật-thám biết tin. nên vừa mới ở dưới tầu bước lên Dũng bị bắt ngay.

Người Trung-hoa làm lôi thôi ở miền cương-giới

LAOKAY 2 AVRIL . — Ít lâu nay, về sự đề phòng, sở mật-thám có đặt người xét giấy căn cước của người Nam hay người Trung-hoa ở phía Hà-khẩu sang mà qua cầu Nam-thi.

Ngày 31 mars 1931, một người Trung-hoa không có giấy căn-cước bị viên cẩm mật-thám Bertrand ngăn lại không cho đi. Người Trung-hoa lăng mạ, thì viên cẩm bắt liền.

Dân Trung-hoa ở bên Hà-khẩu thấy vậy, liền ồn ào kéo nhau ra yêu cầu tha ngay cái người bị bắt ấy ra. Té ra người này là chánh mật-thám đường hỏa xa.

Người Trung-hoa ấy xin lỗi rồi được tha ngay. Đâu lại về yên đó.

Tuy vậy, người Trung-hoa vẫn lấy làm tức giận có ý gây việc nữa, cho nên hễ qua cầu mà bỏi thẻ là lôi thôi, bất đắc dĩ mới đưa ra.

Ngày hôm nay 2 avril lại một người Trung-hoa nữa cãi nhau với một người mật-thám An-nam rồi đôi bên đánh nhau.

Dân Hà-khẩu lại ra gây sự đông lắm, họ lên đứng cả trên đường hỏa xa hàng mấy giờ đồng hồ không cho xe chạy.

Rồi sau nghe nói quan Công-sứ có điều đình với viên đại-lý của Đốc-biện Hà-khẩu bãi việc khám thẻ ở cầu Nam-thi đi. Nhân dân Tầu từ đó lại để cho xe hỏa chạy và không lôi thôi nữa.

T. B.

Giới thiệu sách mới

Bản chí tiếp được :

M. LÊ-CÔNG-ĐẮC tặng quyển :

TIỂU-THƯ ĐI BỘ giá 0$10

M. NGUYỄN-KÍNH-CHI tặng quyển :

DU LỊCH QUẢNG-BÌNH

không có giá bán.

M. NAM-KÝ THƯ-QUÁN 17 Boulevard Francis Garnier Hanoï tặng quyển :

VỊ-XUYÊN THI VĂN TẬP

quyển nhất giá 0$30.

M. PHẠM-VIỆT-THƯỜNG Thanh-hóa tặng quyển : **VÌ-XUÂN** giá 0$10

MỘT TẬP SÁCH MỚI

thuộc về khoa Y - học của nước nhà.

Y-THOẠI TÙNG-BIÊN

Bản - chí tiếp được M. VŨ-THƯƠNG-CHI thầy thuốc Bắc-kỳ số nhà 108 đường d'Espagne Saigon tặng quyển « **Y-THOẠI TÙNG-BIÊN** thứ nhất giá mỗi cuốn 0$40

Mục đích sách này, là dung-hòa, không tây vị thuốc nào hết, chuyên môn nghiên-cứu biên tập những bài vở dẫn dị minh-bạch để nói truyện về thuốc, vậy nên mạch danh là « y-thoại tùng-biên ».

Hiện nay sách thuốc nước nhà, đang buổi hiếm hoi, mà ông VŨ-THƯƠNG-CHI biên tập ra bộ sách này, tưởng cũng là có công về khoa y - học của nước nhà, và có phần bổ ích đến công chúng.

Vậy bản-chí xin có lời trân trọng giới-thiệu để xa gần cùng hay.

An-nam tạp-chí

Những chuyến xe thêm trong ngày hội Phủ - giầy

Sở hỏa-xa Đông-pháp có lời bá-cáo để công chúng biết rằng trong mấy ngày hội Phủ-giầy từ 19 đến 23 Avril 1931, tức là từ mồng hai đến mồng sáu tháng ba năm Tân-mùi, bản sở sẽ đặt những chuyến xe riêng chạy ở những quãng đường Hanoi — Núi-gôi và Nam-định — Núi-gôi theo những giờ sau này :

Chuyến xe chạy từ Nam-định đến Núi-gôi

Nam-định	giờ	đi	12	giờ	48.
Trình-xuyên	giờ	đến	12	giờ	58.
Núi-gôi	giờ	đến	13	giờ	11.

(Chuyến này đón khách ở Hanoi xuống chuyến xe số 227.)

Chuyến xe chạy từ Hanoi đến Núi-gôi

Hanoi	giờ	đi	12	giờ	34.
Văn-điển	giờ	đến	12	giờ	48.
Quán-gánh	giờ	đến	12	giờ	57.
Thường-tín	giờ	đến	13	giờ	03.
Phố-tia V. L.	giờ	đến	13	giờ	13.
Chợ-tía	giờ	đến	13	giờ	18.
Đỗ-xá	giờ	đến	13	giờ	25.
Cầu-guột P. X.	giờ	đến	13	giờ	34.
Cầu-gie	giờ	đến	13	giờ	40.
Đồng-văn	giờ	đến	13	giờ	50.
Phủ-lý	giờ	đến	14	giờ	07.
Bình-lục	giờ	đến	14	giờ	27.
Cầu-họ	giờ	đến	14	giờ	37.
Đặng-xá	giờ	đến	14	giờ	52.
Nam-định	giờ	đến	15	giờ	01.
Trình-xuyên	giờ	đến	15	giờ	21.
Núi-gôi	giờ	đến	15	giờ	34.

Chuyến xe chạy từ Núi-gôi đến Nam-định

Núi-gôi	giờ	đi	12	giờ	08.
Trình-xuyên	giờ	đến	12	giờ	19.
Nam-định	giờ	đến	12	giờ	31.

(Hành khách về chuyến xe này đến Nam - định sẽ đáp chuyến xe số 226 về đến Hanoi 16 giờ 33.)

Chuyến xe chạy từ Núi - gôi đến Hanoi

Núi-gôi	giờ	đi	8	giờ	00.
Trình-xuyên	giờ	đến	8	giờ	11.
Nam-định	giờ	đến	8	giờ	23.
Đặng-xá	giờ	đến	8	giờ	41.
Cầu-họ	giờ	đến	8	giờ	55.
Bình-lục	giờ	đến	9	giờ	04.
Phủ-lý	giờ	đến	9	giờ	21.
Đồng-van	giờ	đến	9	giờ	42.
Cầu-gie	giờ	đến	9	giờ	52.
Cầu-guột P. X.	giờ	đến	9	giờ	58.
Đỗ-xá	giờ	đến	10	giờ	08.
Chợ-tía	giờ	đến	10	giờ	15.
Phố-tia V. L.	giờ	đến	10	giờ	20.
Thường-tín	giờ	đến	10	giờ	29.
Quán-gánh	giờ	đến	10	giờ	36.
Văn-điển	giờ	đến	10	giờ	45.
Hà-nội	giờ	đến	11	giờ	00.

Le Gérant :

PHAM-DINH-KY